Phẩm 13 - Căn Bản Phân Biệt (Kinh số 162 - 171)

Kinh Trung A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

PHẨM 13: CẢN BẢN PHÂN BIỆT1 y (Gôm 10 kỉnh, thuộc ngày tụng thứ tư: Tụng phân biệt)

Bài kệ tóm tắt 10 kinh:
Phăn biệt lục giới, Xứ
Quán pháp, ôn Tuyền lâm
Thích trung thiền thất tôn
A-nan thuyết, Ỷ hành
Câu-lâu-sấu vô tránh
Anh vũ, Phân biệt nghiệp.1 2
1 Quyển 42. 2 Nguyen tác Nhiếp tụng:w :.E;
.Do đặt lại tựa đê nên Nhiêp tụng không trùng với tên kinh.

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Ma-kiệt-đà rồi đến nghỉ qua đêm ở thành Vương Xá. Bấy giờ, đức Thế Tôn đến nhà người thợ gốm và hỏi: -Này thợ gôm, nay Ta muôn nghỉ ở xưởng gôm một đêm, anh có đông ý chăng? Thợ gốm trả lời: -Con thì không ngại gì, nhưng đã có một Tỳ-kheo đến ở trước đó rồi, nếu vị ấy đồng ý thì xin Ngài cứ tùy nghi. Bấy giờ, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi12 đã đến ở nơi xưởng gốm trước, thế nên đức The Tôn rời khỏi nhà thợ gốm rồi bước vào xưởng gốm và nói với Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi: Này Tỳ-kheo! Nay Ta muốn nghỉ ở xưởng gốm này một đêm, thầy đồng ý chứ? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: -Thưa Hiên gia!3 Toi rát san long. Va lại, ơ đay đã trai săn nêm co roi, Hiên giả muôn ở lại, xin cứ tùy ý. Bấy giờ, Thế Tôn từ xưởng gốm ấy ra ngoài rửa chân xong rồi trở vào, lấy tọa cụ trải lên nệm cỏ rồi ngồi kiết-già9 suốt đêm yên lặng định tâm tĩnh tọa. Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi cũng suốt đêm yên lặng định tâm tĩnh tọa như vậy. Khi ấy, Thế Tôn nghĩ: "Tỳ-kheo này an trú tịch tĩnh! Thật là kỳ diệu! Thật là đặc thù! Nay Ta có nên hỏi thầy của Tỳ-kheo ấy là ai? Tỳ-kheo ấy nương ai để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp chống?" [0690b06] Nghĩ thế rồi, Thế Tôn liền hỏi: Này Tỳ-kheo! Thầy của Hiền giả là ai? Hiền giả nương vào ai để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp?

1 Nguyên tác: Phân biệt lục giới kinh (r.01. 0026.162. 0690al9). Tham chiếu: Bình-sa vương ngũ nguyện kỉnh (r 14. 0511. 0779a06); M. 140, Dhātuvibhañga Sutta (Kinh giới phân biệt). 2 Phất-ca-la-sa-lợi (Pukkusāti), tên một Tôn giả xuất thân từ dòng dõi Bà-la-môn. 3 Nguyên tác: Quân ()Bằng hữu, anh bạn, Hiền giả. Pali: Āvuso. Tham chiếu: D. 16: Này Ānanda, vị Tyjdieo niên lão hãy gọi vị Tỷ-kheo niên thiếu hoặc bằng tên, hoặc bằng họ, hoặc bằng tiếng Hiền giả (Āvuso). Vị Tỷ-kheo niên thiêu, hãy gọi vị Tỷ-kheo niên lão là Thượng tọa {Bhante) hay E)ại đức (HT. Thích Minh Châu dịch). J “

Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Hiền giả! Có Sa-mon Cù-đàm dòng họ Thích, lìa xa Thích tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, với niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chính là thầy của tôi, tôi nương Ngài để xuất gia, học đạo, thọ pháp. Thế Tôn lại hỏi: —Này Tỳ-kheo, thầy đã từng gặp Ngài ấy chưa? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: -Tôi vẫn chưa được gặp. Thế Tôn lại hỏi: - Nếu gặp Ngài ấy, thầy có nhận ra không? Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Có lẽ là không! Nhưng thưa Hiền giả! Tôi có nghe Ngài là Thế Tôn, đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Su, Phật, Thế Tôn. Ngài chính là thầy của tôi, tôi nương theo Ngài để xuất gia học đạo và lãnh thọ giáo pháp. Khi ấy, Thế Tôn lại nghĩ: "Người thiện nam này nương Ta xuất gia học đạo, lãnh thọ giáo pháp, nay Ta có nên vì vị này mà thuyết pháp chng?” Nghĩ thế rồi5 Thế Tôn bảo Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi rằng: Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ thuyết pháp cho thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện và phân cuôi cũng thiện, có nghĩa có văn5 hoàn toàn thanh tịnh, hiên bày Phạm hạnh. Pháp đó gọi là 'Thân biệt sáu giớf\ thầy hãy lắng nghe và khéo nhớ nghĩ! Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi đáp: Thưa vâng! Đức Phật bảo: -Này Tỳ-kheo! Mỗi con người đều có sự tụ họp của sáu giới, sáu chỗ tiếp xúc, mười tám ý hành4 và bốn chỗ nương tựa.5 Nếu người nào an tru vào đó thì không nghe điều sầu não; đã không nghe điều sầu não nên ý không chán r r

ghét, không lo lăng, không mỏi mệt, cũng không sợ hãi. Nêu an trú vào đó thì cũng như có được sự dạy bảo, khiến không buông lung trí tuệ,6 thủ hộ chân đế và trưởng dưỡng huệ thí. Này Tỳ-kheo, hãy học về tối thượng, hãy học về tịch tĩnh, hãy phân biệt sáu giới.

4 Nguyên tác: Thập bát ý hành 18 ý cận hành gồm 6 hỷ cận hành , 6 ưu cận hành śifii, 6 xả cận hành .Tạp.L02. 0099.485. 0l23c20 gọi là Thập bát thọ . 5 Nguyên tác: Tứ trụ xứ ,caturãdhựthãnà: Bốn chồ nương tựa. 6 Nguyên tác: Bất phóng dật tuệ ,p riapparnajjeyyā.

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI 1071

Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có sự tụ họp của sáu giới, do đâu mà nói như vậy? Là do trong mỗi người đều có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới và thức giới. Tỳ-kheo, khi nói trong mỗi người đều có sự tụ họp của sáu giới là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có sáu chỗ tiếp xúc, do đâu mà nói như vậy? Là bởi vì, này Tỳ-kheo? trong mỗi người đều có nhãn xúc, tức mắt thấy sắc; nhĩ xúc, tức tai nghe tiếng; tỷ xúc, tức mũi ngửi mùi; vị xúc, tức lưỡi nếm vị; thân xúc, tức thân cảm giác; ý xúc, tức ý biết pháp. Tỳ-kheo? khi nói con người có sáu xúc là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Trong mỗi người đều có mười tám ý hành, do đâu mà nói như vậy? Là bởi vì, này Tỳ-kheo, khi mắt thấy sắc, quán sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sắc rồi an trú nơi ưu, quán sắc rồi an trú nơi xả. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng vậy. Khi ý biết pháp, quán pháp rồi an tru nơi hỷ, quán pháp rồi an tru nơi ưu, quán pháp rồi an trú nơi xả. Này Tỳ-kheo, đây là sáu hỷ khi quán sát, sáu ưu khi quán sát và sáu xả khi quán sát, hợp lại thành mười tám ý hành. Tỳ-kheo! Nói con người có mười tám ý

hành là căn cứ vào đây vậy. [0690c09] Này Tỳ-kheo! Con người có bốn chỗ nương tựa, do đâu mà nói như thế? Đó là nương tựa nơi chân dế, nương tựa nơi trí tuệ, nương tựa nơi thí xả và nương tưa nơi tịch tĩnh. Này Tỳ-kheo, khi nói con người có bon chỗ nương tựa là căn cứ vào đây vậy. Này Tỳ-kheo! Thế nào là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ? Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có địa giới bên trong để duy trì sự sống, vậy địa giới bên trong bao gồm những gì? Đó là tóc, lông, móng, răng, da dày, da non5 thịt, xương, gân, thận, tim, gan, phổi, lá lách, ruột già, bao tử, phổi, phân. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về chất cứng, có tánh cứng chắc bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là địa giới bên trong. Này Tỳ-kheo, địa giới bên trong và địa giới bên ngoài đều được gọi chung là địa giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi địa giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có thủy giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là màng não, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước bọt, mủ, máu, mỡ, tủy, nước dãi, đàm, nước tiểu. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc ve chất nước, có tánh nước thấm nhuần bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo? đó gọi là thủy giới bên trong. Này Tỳ-kheo5 thủy giới bên trong và thủy giới bên ngoài đều gọi chung là thủy giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như

thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi thủy giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. [0691a04] Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có hỏa giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là khí nóng trong thân, khí ấm trong thân, những thứ khiến thân bức bối hay ôn hòa, những thứ giúp tiêu hóa thức ăn uống. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về chất lửa, có tánh nóng bức ở bên trong, bị chúng sanh chấp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là hỏa giới bên trong. Này Tỳ-kheo, hỏa giới bên trong và hỏa giới bên ngoài đều gọi chung là hỏa giới, tất cả chúng chẳng phải của ta, ta chẳng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi hỏa giới, đó gọi là Tỳ- kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có phong giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Hơi phía trên ngực, hơi phía dưới bụng, hơi hai bên sườn, hơi nơi tuyến lệ, hơi nơi bàn chân, hơi ứ trệ trong người, hơi nơi khớp xương chân tay, hơi khi thở ra, hơi khi thở vào. Tương tự như thế, trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về gió, với tánh gió chuyên động bên trong, bị chúng sanh châp thủ, này Tỳ-kheo, đó gọi là phong giới bên trong. Này Tỳ-kheo? phong giới bên trong và phong giới bên ngoài đêu gọi chung là phong giới, tát cả chúng chăng phải của ta, ta chăng phải của chúng, cũng chăng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiêu như vậy, biêt đúng như thật roi thì tâm không nhiễm trước nơi

phong giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. Lại nữa, Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ là Tỳ-kheo phân biệt trong thân thế này: Nay thân ta có không giới bên trong để duy trì sự sống, vậy chúng gồm những gì? Đó là hốc mắt, lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, cổ họng cử động, chỗ mà khi thức ăn được nhai nát, nuốt từ từ xuống bên dưới rồi được đào thải ra ngoài. Tương tự như thế? trong thân này còn có những thứ khác nữa, là những thứ mà bên trong thuộc về rỗng không, tại chỗ rỗng không ấy không bị thịt, da, xương, gân che lâp, này Tỳ-kheo, đó gọi là không giới bên trong. Này Tỳ-kheo, không giới bên trong và không giới bên ngoài đều gọi chung là không giới, tất cả chúng chăng phải của ta, ta chăng phải của chúng, cũng chẳng có tự ngã. Dùng trí tuệ quán chiếu như vậy, biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước nơi không giới, đó gọi là Tỳ-kheo không buông lung trí tuệ. [069lb02] Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào biết đúng như thật về năm giới như trên và khi biết đúng như thật rồi thì tâm không nhiễm trước mà được giải thoát, duy chỉ còn có thức giới. Thức giới gồm những gì? Đó là thức biết lạc, thức biết khổ, thức biết hỷ5 thức biết ưu và thức biết xả.

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI 1073

Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những gì ưa thích nên sanh ra cảm thọ lạc, vị ấy cảm nhận cảm thọ lạc. Khi cảm nhận cảm thọ lạc rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ lạc. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích này, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ ưa thích này rồi, nếu có cảm thọ lạc được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ ưa thích thì cảm thọ lạc ấy cũng bị diệt trừ, bị chấm dứt, vi ấy tuệ tri cảm thọ lạc đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ khổ đau nên sanh ra cảm thọ khổ, vi ấy cảm nhận cảm thọ khổ. Khi cảm nhận cảm thọ khổ rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ khổ. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ khô đau, khi đã diệt trừ sự tiêp xúc với những thứ khô đau này rồi, nếu có cảm thọ khổ được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ khổ đau thì cảm thọ khổ ấy cũng bi diệt trừ, bị chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ khổ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ vui thích nên sanh ra cảm thọ hỷ, vị ấy cảm nhận cảm thọ hỷ. Khi cảm nhận cảm thọ hỷ rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ hỷ. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ vui thích, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ vui thích này rồi, nếu có cảm thọ hỷ được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ vui thích thì cảm thọ hỷ ấy cũng bi diệt trừ, bi chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ hỷ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiêp xúc với những thứ lo buôn nên sanh ra cảm thọ ưu, vị ấy cảm nhận cảm thọ ưu. Khi cảm nhận cảm thọ ưu rồi, vị ấy liền biết mình đang cảm nhận cảm thọ ưu. Nêu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiêp xúc với những thứ lo buồn, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ lo buồn rồi, nếu có cảm thọ ưu được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ lo buồn thì cảm thọ ưu ấy cũng bi diệt trừ, bị chấm dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ ưu đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do tiếp xúc với những thứ không vui không buồn nên sanh ra cảm thọ xả5 vị ây cảm nhận cảm thọ xả. Khi cảm nhận cảm thọ xả rôi? vị ây liền biết là mình đang cảm nhận cảm thọ xả. Nếu Tỳ-kheo diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn, khi đã diệt trừ sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn rồi, nếu có cảm thọ xả được sanh ra do sự tiếp xúc với những thứ không vui không buồn thì cảm thọ xả ấy cũng bi diệt trừ, bị cham dứt, vị ấy tuệ tri cảm thọ xả đã

nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Do những sự tiếp xúc ây mà sanh ra những cảm thọ ây. Khi đã diệt trừ những sự tiếp xúc ấy thì những cảm thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết những cảm thọ này từ xúc mà có, xúc là gốc rễ, xúc là nguyên do, từ xúc mà sanh ra, lấy xúc làm đầu mối, nương xúc mà hiện hành. Này Tỳ-kheo! Giống như cây có thể sanh ra lửa, do đó người ta dùng cây làm dùi rồi cọ xát dùi với nhau tạo ra sức nóng, từ đó phát ra lửa. Này Tỳ-kheo! Thế nhưng khi các dùi cây ấy tách rời nhau thì chẳng thể có lửa sanh ra và cũng chẳng có sức nóng để duy trì lửa, ngay cả dùi cây cũng nguội lạnh. Cũng vậy, này Tỳ-kheo! Do những sự tiếp xúc ấy mà sanh ra những cảm thọ ấy. Khi đã

diệt trừ những sự tiếp xúc ấy thì những cảm thọ ấy cũng diệt. Vị ấy biết những cảm thọ này từ xúc mà có, xúc là gốc rễ, xúc là nguyên do, từ xúc mà sanh ra? lấy xúc làm đầu mối, nương xúc mà hiện hành. Nếu Tỳ-kheo không nhiễm trước bởi ba thọ7 thì được giải thoát, khi ấy Tỳ- kheo chỉ tồn tại tâm xả, cực kỳ thanh tinh.89Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: “Vói tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Không vô biên xứ,9 tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó. Lại nữa, với tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó.59 [0691C10] Này Tỳ-kheo! Giống như người thợ kim hoàn lành nghề dùng lửa nấu chảy vàng, dập vàng thật mỏng, rồi lại nung tiếp, chỉnh lửa vừa phải, nung luyện đúng độ khiến vàng được tinh ròng, mềm mại, lấp lánh. Này Tỳ-kheo, loại vàng này đã được người thợ kim hoàn nung luyện đúng độ khiến vàng được tinh ròng, mềm mại, lấp lánh rồi thì người thợ ấy dựa theo khuôn mẫu mà tùy ý chế tác thành sợi tua cẩn vào tơ lụa để trang sức áo mói, hoặc nhẫn, vòng tay, dây chuyền hay các loại trang sức cho mái tóc. Cũng vậy, vị Tỳ-kheo ấy nghĩ thế này: "Vói tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Không vô biên xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó5 đặt vào đó? duyên vào đó, buộc vào đó. Lại nữa? với tâm xả thanh tịnh này, ta thể nhập Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tu tập tâm như vậy, nương vào đó, trụ vào đó, đặt vào đó5 duyên vào đó, buộc vào âỏy Roi Tỳ-kheo ây lại nghĩ thê này: "Vói tâm xả thanh tịnh này, ta nương vào Không vô biên xứ, nhưng nơi đây vẫn thuộc hữu vi, mà hữu vi thì vô thường, đã vô thường tức là có khổ; đã có khổ, liền biết là khổ, biết khổ rồi thì với tâm xả thanh tịnh này, ta không còn muốn thể nhập vào Không vô biên xứ nữa. Lại nữa, với tâm xả thanh tịnh này, ta nương vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ5 Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nhưng những nơi đấy vẫn thuộc hữu vi mà hữu vi thì vô thường, đã vô thường tức là có khổ; đã có khổ, liền biết là khổ, biết khổ roi thì với tâm xả thanh tịnh này, ta không còn muôn thê nhập vào Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ nữa.^, Này Tỳ-kheo! Nếu Tỳ-kheo nào dùng trí tuệ quán chiếu bốn xứ như trên, biết đúng như thật rồi thì tâm không tương ưng và không thể nhập vào đó nữa.

7 Nguyêiưác: Tam giác ,chỉ cho 3 thọ, gồm lạc thọ ,khổ thọ không khổ
không lạcílĩ] 8 Bỉ Tỳ-kheo duy tồn ư xả, cực thanh tịnh dã .
ở đây chỉ cho tcxặ niệm thanh tinh^ khi thành tựu Tứ thiền. Tham chiếu: Trủ Đô thọ

kỉnh 7101. 0026.2. 0422b21: Không khô không lạc, xả và niệm thanh tịnh, chứng đắc và an trú Thiền thứ tư ,. 9 Nguyên tác: Vô lượng không xứ ,còn gọi Không vô biên xứ, tức một trong 4 định Vô sác Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ. J

162. KINH PHÂN BIỆT SÁU GIỚI 1075

Bây giờ, vi ây không còn lệ thuộc hữu vi, cũng không suy tư vê hữu và vô nữa; khi có một cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân1011 thì vị ấy liền biết cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân; khi có một cảm thọ cuối cùng của thọ mạng thì vị ấy biết cảm thọ cuối cùng của thọ mạng; khi qua đời, thọ mạng đã chấm dứt thì tất cả cảm thọ của vị ấy bi diệt trừ, bị chấm dứt và vi ấy tuệ tri tất cả cảm thọ đã nguội lạnh.11 [0692a06] Này Tỳ-kheo ! Ví như đèn sáng là nhờ dầu và tim đèn. Nếu không có ai châm thêm dàu và nối thêm tim thì khi ngọn đèn trước đã tắt, ngọn đèn sau không thể tiếp tục sáng tiếp, vì không có gì để duy trì. Tỳ-kheo ấy cũng thế, khi có một cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân thì vị ấy liền biết cảm thọ cuối cùng trong giới hạn của thân; khi có một cảm thọ cuối cùng của thọ mạng thì vi ấy biết cảm thọ cuối cùng của thọ mạng; khi qua đời, thọ mạng chấm dứt thì tất cả cảm thọ của vi ấy bị diệt trừ, bi chấm dứt và vị ấy tuệ tri tất cả cảm thọ đã nguội lạnh. Này Tỳ-kheo! Đó là Tỳ-kheo có trí tuệ chân chánh bậc nhất, đã đạt đến tịch diệt rót ráo, dứt sạch lậu hoặc. Tỳ-kheo đã thành tựu pháp đó9 chính là thành tựu và an tru trí tuệ chân chánh bậc nhất. Này Tỳ-kheo! Sự giải thoát này an trú nơi chân đe nên hoàn toàn vững chãi;12 chân đế là pháp như thật, còn giả dối là pháp hư vọng. Tỳ-kheo! Đó là sự thành tựu và an trú chân đế bậc nhất.1314 Này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo ấy phát khởi thí xả, nếu trước đây có oan gia thì bây giờ vị ây phóng xả5 lìa bỏ5 giải thoát, diệt sạch hoàn toàn. Này Tỳ-kheo! Đó là Tỳ-kheo có huệ thí chân chánh bậc nhất, xả ly mọi sự ở đời, đã được dứt sạch, 14 vô dục, tịch diệt, vắng lặng, ngưng nghỉ. Tỳ-kheo đã thành tựu pháp đó, chính là thành tựu và an trú huệ thí bậc nhất. Này Tỳ-kheo! Nếu tâm của Tỳ-kheo ấy bị uế nhiễm bởi tham dục, sân hận và si mê thì không được giải thoát. Nhưng khi tất cả tham, sân, si đã được dứt sạch, vô dục, tịch diệt, tịch tĩnh và ngưng nghỉ thì vị ấy được tịch tĩnh bậc nhất. Tỳ-kheo thành tựu pháp đó, chính là thành tựu và an trú tịch tĩnh bạc nhất.

10 Nguyên tác: Thọ thân tối hậugiác .Tham chiếu: Tạp.7.02. 0099.969. 0249a28: Thân phân tề thọ giác '.ở đây, "phân tề"chí cho giới hạn, phạm vi .M. 140: Kāyapariyantikam Giới hạn của thân. 11 Tham chiếu: s. 36.7 - IV. 210: Khi vị ấy cảm thọ một cảm thọ cùng tận sức chịu đựng của thân, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cung tận đến sức chịu đựng của thân.” Khi vị áy cảm thọ mót cảm thọ cùng tận chịu đựng của sanh mạng, vị ấy tuệ tri: "Ta đang cảm thọ một cảm thọ cùng tận đên sức chịu đựng của sanh mạng.,, Vị ấy tuệ trijang: "Sau khi thân hoại mạng chung, ở đây, một cảm thọ cảm giác Idiong có gì đáng hoan hỷ, sẽ đi đến lăng dju" HT. Thích Minh Châu dích. 12 Nguyên tác: Đắc bất di động . 13 Nguyên tác: Đệ nhất chân đế xứ .Tham chiếu: M. Ỉ40: Paramena saccādhitthānena Nương tựa chân đế tối thắng, ở đây, danh từ adhitthāna có nghĩa là chô nương tựa . 14 Nguyên tác: Tận khayā'. Dứt sạch.

Này Tỳ-kheo, ngã thật sự tồn tại là vọng tưởng;15 ngã thật sự tồn tại ở tương lai16 cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải có, chẳng phải không cũng là vọng tưởng; ngã thật sự có sắc cũng là vọng tưởng; ngã thật sự vô sác cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải hữu sắc và chẳng phải vô sắc cũng là vọng tưởng; ngã thật sự có tưởng cũng là vọng tưởng; ngã thật sự không có tưởng cũng là vọng tưởng; ngã thật sự chẳng phải có tưởng và chẳng phải không có tưởng17 cũng là vọng tưởng. Như thế là cống cao, là kiêu ngạo, là buông lung.18 Này Tỳ-kheo! Nêu không còn hét thảy vọng tưởng, công cao, kiêu ngạo hay buông lung thì tâm ý dừng lắng. Này Tỳ-kheo! Nếu tâm ý dừng lắng thì không r r chán ghét, không lo lăng, không mỏi mệt và không lo sợ. Vì sao như thê? Vì Tỳ-kheo ấy đã thành tựu pháp nên không còn chán ghét; đã không chán ghét thì không lo lắng, không lo lắng thì không sầu muộn, không sầu muộn thì không mỏi mệt; không mỏi mệt thì không lo sợ, do không lo sợ nên chứng đắc Niết- bàn, biết đúng như thật: "Sanh tử đã chấm dứt5 Phạm hạnh đã thành tựu, việc cân làm đã xong, không còn tái sanh nữa." [0692b05] Nghe Thế Tôn thuyết pháp này xong, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi xa lìa trần cấu, đạt được cái thấy chân thật đối với các pháp. Từ đây, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lgi đã thấy pháp, đắc pháp, ngộ pháp thanh tịnh, đoạn trừ nghi hoặc, thoát khỏi mê lầm, không thờ ai khác, không nương ai khác, không còn do dự, đã trụ quả chứng, nơi pháp Thế Tôn được Vô sở úy. Bấy giờ, Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy sát chân Phật rồi thưa: Bạch Thế Tôn! Con xin sám hối. Bạch Thiện Thệ! Con xin ăn năn. Con thật ngu si, như kẻ hồ đồ thiếu hiểu biết, không thể tự biết, không thấy ruộng phước lành! Vì sao như thế? Vì con đã dám gọi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền giả?9 Nguyện xin Thế Tôn cho con sám hối, con sám hôi roi thì vê sau không tái phạm nữa. r rrn*| Ạ ryn A J. / _ The Tôn đáp: Này Tỳ-kheo! Thầy thật là mê muội, thầy thật là hồtò, thầy thật sự thiếu hiểu biết mới gọi đấng Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác là "Hiền gi*." Này Tỳ-kheo! Nếu thầy có thể tự sám hối, đã thấy lỗi, tự phát lồ, giữ gìn không tái phạm nữa thì này Tỳ-kheo, ở trong giáo pháp của bậc Thánh, như vậy

15 Nguyên tác: Tư cử ê .Cử mang nghīatu mirii chủ trương .Bản Pali tương đương: Manñta, được hiểu la vọng tưởng, ao tưởng ;J . J - 16 Nguyên tác: Đương hữu :Tồn tại ở tượng lai. 17 Nguyên tác: Phi hữu tưởng phi vô tưởng ,Nevasaññā nāsaññā, còn gọi là Phi tưởng phi phi tưởng ThamÀchiếu: 77?ếký kinh 1. 0001.30.10. OUlbll: Chấp ngã tồn tại là bị trói. Chấp ngã không tôn tại là bị trói. Châp ngã có sac là bị trói. Chap ngã không phải sac là bị trói. Chấp ngã vừa có sac vừa không có sac là bị trói. Chap ngã có tưởng là bị trói. Chấp ngã không có tưởng là bị trói. Chấp ngã vừa có tưởng vừa không có tưởng là bị ựói. :.

là được tăng ích chứ không tổn giảm, vì đã biết tự sám hối, đã thấy lỗi, tự phát lồ, giữ gìn không tái phạm nữa. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Phất-ca-la-sa-lợi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

163. KINH PHÂN BIỆT SÁU xứ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-ve, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. r_ Bay giơ, The Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy, phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần cuối cũng thiện, có nghĩa có văn? hoàn toàn thanh tịnh, mở bày Phạm hạnh, đó gọi là Kinh phân biệt sáu xứ. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: -Bạch Thế Tôn! Chúng con mong được thọ giáo. Đức Phật dạy: Này các thầy! Có sáu xứ bên trong cần phải biết; có sáu xúc xứ bên trong cần phải biết; có mười tám ý hành bên trong càn phải biết; có ba mươi sáu cú nghĩa1 2 bên trong cần phải biết. Trong đó, do đoạn trừ cái kia nên thành tựu cái này. Có vô lượng thuyêt pháp cân phải biêt và tiêp nhận. Có ba niệm trụ3 đê bậc Thánh tu tập và sau khi tu tập thì bậc Thánh mới có thể giáo hóa đồ chúng. Đó là bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự hướng đến mọi phương. Trên đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ. [0692c05] "C6 sáu xứ bên trong cần phải biết", do đâu mà nói như thế? Đó là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Đó là sáu xứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. "C6 sáu xúc xứ bên trong cần phải biết", do đâu mà nói như thế? Đó là nhãn xúc, tức mắt thấy sắc; nhĩ xúc9 tức tai nghe tiếng; tỷ xúc, tức mũi ngửi mùi; vị xúc, tức lưỡi nếm vị; thân xúc, tức thân cảm giác; ý xúc, tức ý biết pháp. Đó là sáu xúc xứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. "C6 mười tám ý hành bên trong cần phải biết"? do đâu mà nói như thế? Này Tỳ-kheo5 sau khi mắt thấy sắc5 phân biệt sắc rồi an trú nơi hỷ? phân biệt sắc rồi an trú nơi ưu, phân biệt sắc rồi an trú nơi xả. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân

1 Nguyên tác: Phân biệt lục xứ kinh (TOI. 0026.163. 0692b22). Tham chiếu: M. 137 Salāyatanavibhañga Sutta (Kinh phân biệt sáu xứ). 2 Nguyên tác: Tam thập lục đao ().Đao ()trong cú ngữ này có nguy tác Pali là sātthā. Sātthā vừa có nghĩa là đao kiếm, một loại vũ khí, vừa co nghĩa là ngina lý, khoa học. Tham chiếurM 137: Chattimsa sattapadā (36 cú nghía hay 36 loại chúng sanh). Trong bản Hán, đọc là sātthā (đao kiếm) thay vì satta (nghĩa lý hoặc hữu tình). Tỳ-bà-sa luận (T27. 1545.139. 0718a25): Tam thập lục sư cú ().Cả 3 bản đọc theo ngữ nguyên khác nhau. 3 Nguyên tác: Tam ý chỉ ().M. 137: Tayo satipatthānā (3 niệm trú, 3 niệm xứ).

đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi thì hỷ phát sanh. Hỷ như vậy được gọi là hỷ nương vào vô dục. [0693a07] Thế nao là sáu ưu dựa vào đắm trước? Thế nào là sáu ưu nương vào vô dục? Mắt thấy sắc rồi phát sanh ưu, nên biết có hai loại: Một là ưu do đắm trước, hai là ưu do vô dục. Thế nào là ưu dựa vào đắm trước? Mắt biết sắc đáng ưa5 vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, vui thích do tương ưng với dục; nếu chưa được mà mong cầu không được, những gì đã được trong quá khứ thì bị phân tán, hoại diệt, biến đổi nên ưu phát sanh. Ưu như vậy gọi là ưu dựa vào đắm trước. Thế nào là ưu nương ư

Thế nào là xả dựa vào đắm trước? Ý biết pháp phát sanh xả; nghĩa là những kẻ phàm phu mê muội, không có trí tuệ, thiếu sự hiểu biết, đoi với pháp ấy có xả nhưng không

xuất ly pháp ấy, đó gọi là xả dựa vào đam trước. Thế nào là xả nương vào vô dục? Ý biết pháp là vô thường, biến đổi, diệt tận? không đáng tham muốn, mai một, biến diệt. Khi đã biết tất cả các pháp từ trước đến nay là vô thường, khổ, hoại diệt, ghi nhớ vậy rồi an trú vào xả. Nếu chuyên tâm nhất ý tu tập với xả như thế thì xả đó gọi là xả nương vào vô dục. Trên đây là sáu hỷ dựa vào đắm trước, sáu hỷ nương vào vô dục, sáu ưu dựa vào đắm trước, sáu ưu nương vào vô dục, sáu xả dựa vào đắm trước, sáu xả nương vào vô dục, tổng cộng là ba mươi sáu thứ bên trong cần phải biết, do đây nên nói như vậy. [0693bl2] Vì sao nói "Do đoạn trừ cái kia nên thành tựu cái nay?^ Đối với • __ r

sáu hỷ nương vào vô dục thì nên chọn lây, nương tựa, an trú vào đây. Đôi với sáu hỷ dựa vào đam trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nho bỏ, như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Đối với sáu ưu nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đoi với sáu ưu dựa vào đắm trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ? như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Đối với sáu xả nương vào vô dục thì nên chọn lấy, nương tựa, an trú vào đây. Đối với sáu xả dựa vào chấp trước thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ5 như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Ke tiếp, đối

đây; còn đối với xả tạp xúc, tức xả nhiều xúc thì nên chấm dứt, đoạn trừ, nhổ bỏ? như vậy gọi là đoạn trừ cái kia. Như trên chính là "nhờ đoạn trừ cái kia mà thành tựu cái này", do đây mà nói như vậy. [0693c07] "C6 vô lượng thuyết pháp cần phải biết và tiếp nhận5\ do đâu mà nói như the? Như Lai có bon hạng đệ tử, có tăng thượng hạnh, có tăng thượng tâm, có tăng thượng niệm, có tăng thượng tuệ, có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhát, thọ đên trăm tuôi. Như Lai thuyêt pháp cho các đệ tử suôt cả trăm năm, ngoại trừ những lúc ăn uống, đại tiểu tiện, ngủ nghỉ hoặc hội họp. Pháp Như Lai thuyết đầy đủ văn cú, pháp cú, quán nghĩa; nên dùng trí tuệ mà quán chiếu nghĩa lý, không hỏi lại Như Lai về pháp nữa. Vì sao như thế? Vì pháp Như Lai thuyết xuyên suốt vô cùng, thông suốt vô tận, đầy đủ văn cú, pháp cú5 quán nghĩa, cho đên khi bôn hạng đệ tử qua đời. Giống như bốn tay thiện xạ, hễ giương cung đều bắn trúng đích. Cũng vậy, bốn hạng đệ tử do khéo học khéo biết, lại có phương tiện như thế nên khi ấy rất dễ thấu triệt pháp. Như vậy, Thế Tôn có bốn hạng đệ tử, có tăng thượng hạnh, có tăng thượng tâm, có tăng thượng niệm, có tăng thượng tuệ? có biện tài, thành tựu biện tài bậc nhất, thọ đến trăm tuổi. Như Lai thuyết pháp cho các đệ tử suốt cả trăm năm, ngoại trừ những lúc ăn uống, đại tiểu tiện, ngủ nghỉ hoặc tụ hội. Pháp Như Lai thuyết đầy đủ văn cú? pháp r A cú, quán nghĩa; nên dùng r trí tuệ mà quán chiêu nghĩa lý? không hỏi lại Như Lai vê pháp nữa. Vì sao như thê? Vì pháp Như Lai thuyết xuyên suốt vô cung, thông suốt vô tận. Đó chính là "c6 vô lượng thuyết pháp cần phải biết và tiếp nhận,\ do đây nên nói như vậy. "Có ba niệm trụ để bậc Thánh tu tập và sau khi tu tập rồi thì bậc Thánh mới có thể giáo hóa đồ chúng", do đâu mà nói như thế? Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mên, vì mong câu ý nghĩa và lợi ích, vì mong câu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu các đệ tử không cung kính, cũng không thuận theo, không

kiến lập trí tuệ, tâm không hướng theo pháp, không tuần tự theo pháp, không lãnh thọ Chánh pháp, trái lời Thế Tôn dạy, không thể đắc định thì Thế Tôn không vì thế mà ưu sầu. Thế Tôn chỉ an trú xả thanh tinh,7 chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ nhất mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mến, vì mong cầu ý nghĩa và lợi ích, vì mong cầu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu các đệ tử biết cung kính, thuận hành theo, kiến lập trí tuệ, tâm hướng theo pháp, tuần tự theo pháp, lãnh thọ Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn dạy, có thể đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà hoan hỷ. Thế Tôn chỉ an trú xả

7 Nguyên tác: Xả vô sở vi .

thanh tịnh, chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ hai mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Lại nữa, Như Lai thuyết pháp cho đệ tử vì lòng thương tưởng yêu mến, vì mong cầu ý nghĩa và lợi ích, vì mong cầu an ổn và hân hoan nên khởi tâm từ bi, đó là vì lợi ích, đó là vì hân hoan, đó là vì lợi ích và an lạc cho chúng đệ tử. Nếu có đệ tử không cung kính, cũng không thuận theo, không kiến lập trí tuệ, tâm không hướng theo pháp, không tuần tự theo pháp, không lãnh thọ Chánh pháp, trái lời Thế Tôn dạy, không thể đắc định; hoặc có đệ tử biết cung kính, thuận hành theo, kiến lập trí tuệ, tâm hướng theo pháp, tuần tự theo pháp, lãnh thọ Chánh pháp, không trái lời Thế Tôn dạy, có thể đắc định thì Thế Tôn cũng không vì thế mà buồn rầu hay hoan hỷ. Thế Tôn chỉ an trú xả thanh tịnh, chánh niệm tỉnh giác. Đó là niệm trụ thứ ba mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa. Như trên là ba niệm trụ mà bậc Thánh tu tập, sau khi bậc Thánh tu tập rồi mới có thể giáo hóa đồ chúng, do đây nên nói như vậy. “C6 bậc Vô Thượng Điều Ngự, bậc Điều Ngự hướng đến mọi phuơng", do đâu mà nói như thế? Bậc Điều Ngự là bậc chỉ hướng đến một phương, hoặc phương Đông, phương Nam, phương

1 Nguyên tác: Phăn biệt quản pháp roi. 0026.164. 0694b 13. Tham chiếu:
M. 138, Uddesavibhanga Sutta Kinh tống thuyết và biệt thuyetỵ s. 22.7 - III. 15. 2 Nguyên tác: Bất thọ nhi khủng bố .Theo tác phẩm Madhyama-āgama Studies Dharma Drum, 2012, p. 506-07, n. 3 Tỳ-kheo Anālayo chứng minh rằng, đã có một lỗi liên quan đến việc thêm và bớt phủ định tư thuộc cú ngữ anupādā paritassanā, xuất hiện trong M. 138 và được bảo lưu trọn vẹn trong MẢ. 164, đó là t4bất thọ nhi khủng bấy .Trong khi đó, trường họp này cấn được đọc là upādā paritassanā. Theo tác gia, cấu trúc thực sự hợp ly nằm ở s. 22.7 - III. 15: Upādāparitassanañca vo, bhikkhave, desessāmi anupādāaparitm

không sợ hãi, như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa. Đó gọi là sự diệt tận kh6."‘ Các Tỳ-kheo lại nghĩ: "Chu Hiền! Ai có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà

Thế Tôn vừa lược thuyết?^, Các vi ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên- diên34thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa lược thuyết. Này chư Hiền! Chúng ta hãy cùng đến chỗ Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giải thích nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có giải thích điều gì thì chúng ta hãy khéo thọ trì?5 [0694c08] Thế rồi, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Thưa Tôn giả! Vừa rồi Thế Tôn lược thuyết nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa. Ngài dạy: “Các Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy? như vậy. Này Tỳ-kheo5 nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bị phân tán, tâm không an trú bên trong, do chấp thủ nên sợ hãi. Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nêu các thây quán như vậy rồi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán, tâm an trú bên trong, do không chấp thủ nên không sợ hãi, như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa. Đó gọi là sự diệt tận khổ.^ Chúng tôi liền suy nghĩ: "Ai có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn lược thuyết d6?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa lược thuyết.' Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên- diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo rằng: Chư Hiên! Hãy lăng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu được nghĩa. Chư Hiền! Ví như có người muốn tìm lõi cây/ vì mong được lõi cây nên vác búa vào rừng, thấy cây cao lớn có đầy đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá? hoa và lõi, nhưng người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điều chư Hiền vừa nói cũng giống như vậy. Thế Tôn vẫn còn ở đời mà chư Hiền không thưa hỏi, lại đi tìm tôi để hỏi về nghĩa này. Vì sao như thế? Chư Hiền! Nên biết Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu của Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền! Nên đến chỗ Thế Tôn mà hỏi nghĩa ấy: “Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gì?" Thế Tôn giảng giải thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì thế ấy.

3 Tôn giả Đại Ca-chiên-diên ;Theo Tăng.7I02. 0125.4.2. 0557b04, Ngài là một trong loo vị đại đệ tử của đức Phật, chuyên về luận giải. 4 Nguyen tác: Thật :Rắn chắc Tham chiêu: A. 10.115 - v. 224: Sãra cốt lõi, lõi cây.

164. KINH PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP 1087

[0695a01] Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: Thưa vâng, Ton giả Đại Ca-chiên-diên! Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, co nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa; do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Lẽ ra chúng tôi nên đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Nếu Thế Tôn dạy thế nào thì chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng chúng tôi lại nghĩ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và các bậc trí tuệ Phạm hạnh kính trọng nên Tôn giả có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa giảng thuyết sơ lược. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy cho! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo các Tỳ-kheo: Này chư Hiền! Hãy lắng

nghe tôi nói. Chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ- kheo hướng ra bên ngoài, bi phân tán? Chư Hiền! Tỳ-kheo ấy, khi mắt thấy sắc, thức theo sác tướng, thức đăm vào tướng đáng ưa của săc5 thức bị trói bởi tướng đáng ưa của sắc, do vị ngọt của sắc tướng ấy ràng buộc tâm nên tâm hướng ra bên ngoài, bi phân tán. Đoi với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy, khi ý biết pháp, thức theo pháp tướng, thức đam vào tướng đáng ưa của pháp, thức bị trói bởi tướng đáng ưa của pháp, do vị ngọt của pháp tướng ấy ràng buộc tâm nên tâm hướng ra bên ngoài, bị phân tán. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo hướng ra bên ngoài, bị phân tán. Chư Hiền! Thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán? Chư Hiền! Tỳ-kheo ấy, khi mắt thấy sắc, thức không theo sắc tướng, thức không đắm vào tướng đáng ưa của sắc, thức không bi trói bởi tướng đáng ưa của sắc; do vị ngọt của sắc tướng ấy không thể ràng buộc tâm nên tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy, khi ý biết pháp, thức không theo pháp tướng, thức không đắm vào tướng đáng ưa của pháp, thức không bi trói bởi tướng đáng ưa của pháp, do vị ngọt của pháp tướng ấy không thể ràng buộc tâm nên tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán. Thế nào là tâm Tỳ-kheo không an trú bên trong? Chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ dục và các pháp bất thiện, có giác, có quán, cùng với hỷ? lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của sự xa lìa đó5 nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an tru bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tịnh, có hỷ, lạc do đinh sanh, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, không giác không quán. Rồi thức của vị ấy đắm vào vị ngọt của định, nương vào đó, trụ vào đó, duyên vào đó, buộc vào đó nên thức không an tru bên trong.

Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an trú xả, với chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Rồi thức của vị ấy đam vào vị ngọt của sự ly hỷ, nương vào đó? trụ vào đó5 duyên vào đó? buộc vào đó nên thức không an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an tru Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là

của sự ly hỷ, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo khi đã diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh; nhung thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của xả? niệm thanh tịnh, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. [0695c05] Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không niệm tạp tưởng, nhập hư không vô lượng, thành tựu an tru Không vô biên xứ; nhxmg thức của vi ấy không đam vào vi ngọt của không trí, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức

an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Không vô biên xứ, nhập thức vô lượng, thành tựu an trú Thức vô biên xứ; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của thức trí, không nương vào đó? trụ vào đó; không duyên vào đó5 buộc vào đó nên thức an tru bên trong, Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Thức vo biên xứ, nhập vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ; nhưng thức của vị ấy không đắm vào vị ngọt của vô sở hữu trí, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó? buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Lại nữa, chư Hiền! Tỳ-kheo vượt thoát tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi phi tưởng, thành tựu an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; nhưng thức của vị ấy không đam vào vị ngọt của phi tưởng trí, không nương vào đó, trụ vào đó; không duyên vào đó, buộc vào đó nên thức an trú bên trong. Này chư Hiền! Như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo an trú bên trong. Này chư Hiền! Thế nào là Tỵ-kheo do chấp thủ nên sợ hãi? Chư Hiền, Tỳ- kheo không lìa sự đắm nhiễm sắc, không lìa sự tham muốn sắc, không lìa sự luyên ái săc, không lìa sự khát khao sác. Chư Hiên, nêu Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm sắc, không lìa sự tham muốn sắc, không lìa sự luyến ái sắc, không lìa sự khát khao sắc thì vị ấy muốn được sắc, truy tìm sắc, đắm trước sắc, tru r y r r A vào sác và cho răng sác chính là ta, săc là sở hữu của ta. Khi muôn được sác, truy tìm sắc, đắm trước sắc, trú vào sắc và cho rằng sắc chính là ta, sắc là sở hữu của ta rồi thì thức bám víu sắc. Thức bám víu sắc rồi thì khi sắc ấy biến đổi, thức cũng biến đổi theo. Khi thức biến đổi theo sắc rồi, vị ấy sanh khởi trạng thái lo sợ và tâm trú vào đó. Bởi tâm không biết5 nên sanh sợ hãi, phiền nhọc, do chấp thủ nên sợ hãi. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm thức, không lìa sự tham muốn thức, không lìa sự luyến ái thức, không

5 Nguyên tác: Tâm bất tri :Tâm không biết đúng như pháp, tức không thắng tri, không tuệ tri.

lìa Sự khát khao thức. Chư Hiền, nếu Tỳ-kheo không lìa sự đắm nhiễm thức, không lìa sự tham muốn thức, không lìa sự luyến ái thức, không lìa sự khát khao thức thì vị ấy muốn được thức, truy tìm thức, đắm trước thức, tru vào thức và cho rằng thức chính là ta, thức là sở hữu của ta. Khi muốn được thức, truy tìm thức, đắm trước thức, trú vào thức và cho rằng thức chính là ta, thức là sở hữu của ta rồi thì thức bám víu thức. Khi thức bám víu thức rồi thì khi thức ấy biến đổi, thức cũng chuyển đổi theo. Khi thức chuyển theo thức rồi, vị ấy sanh khởi trạng thái lo lắng và tâm trú vào đó. Bởi tâm không biết nên sanh sợ hãi, phiền nhọc, do chấp thủ nên sợ hãi. Này chư Hiền! Như vậy gọi là Tỳ-kheo do chấp thủ nên sợ hãi. [0696a07] Này chư Hiền! Thế nào gọi là Tỳ-kheo do không chấp thủ nen không sợ hãi? Chư Hiền! Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm sắc, lìa sự tham muốn sắc, lìa sự luyến ái sắc, lìa sự khát khao sắc. Này chư Hiền, nếu Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm sắc, lìa sự tham muốn sắc, lìa sự luyến ái sắc, lìa sự khát khao sắc thì vị ấy không muốn được sắc, không truy tìm sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sắc và nghĩ rang sắc chẳng phải là ta, sắc chẳng phải sở hữu của ta. Khi không muốn được sắc, không truy tìm sắc, không đắm trước sắc, không trú vào sác và nghĩ răng săc chăng phải là ta, sác chăng phải sở hữu của ta roi thì thức không bám víu

sắc. Khi thức không bám víu sắc thì khi sắc ấy biến đổi, thức không biến đổi theo. Khi thức không biến đổi theo sắc thì vị ấy không sanh khởi trạng thái lo sợ và tâm không trú vào đó. Bởi tâm biết6 nên không sợ hãi, không phiền nhọc, do không chấp thủ nên không sợ hãi. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tỳ-kheo lìa sự đắm nhiễm thức, lìa sự tham muốn thức, lìa sự yêu thích thức, lìa sự khát khao thức. Này chư Hiên, nêu Tỳ-kheo lìa sự đăm nhiêm thức, lìa sự tham muôn thức, lìa sự yêu thích thức, lìa sự khát khao thức thì vị ấy không muốn được thức, không truy tìm thức, không đắm trước thức, không tru vào thức và nghĩ rằng thức chăng phải là ta, thức chăng phải sở hữu của ta. Khi không muốn được thức, không truy tìm thức, không đắm trước thức, không tru vào thức và nghĩ rằng thức chẳng phải là ta, thức chẳng phải sở hữu của ta rồi thì thức không bám víu thức. Khi thức không bám víu thức thì khi thức ấy biến đổi, thức không chuyển đổi theo. Khi thức không chuyển theo thức thì vị ấy không sinh khởi trạng thái lo sợ và tâm không trú vào đó. Bởi tâm biết nên không sợ hãi, không phiền nhọc, do không châp thủ nên không sợ hãi. Này chư Hiền! Như vậy gọi là Tỳ- kheo do không chấp thủ nên không sợ hãi. Này chư Hiền! Thế Tôn lược thuyết nghĩa này nhimg không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất tĩnh tọa: 66Tỳ-kheo! Hãy quán như vậy, như vậy. Này Tỳ-kheo, nếu các thầy quán như vậy rồi mà tâm vẫn hướng ra bên ngoài, bị phân tán, tâm không an trú bên trong, do chấp thủ nên

6 Nguyên tác: Tâm tri Tâm thắng tri, tâm tuệ tri.

SỢ hãi. Này Tỳ-kheo, hãy quán như vậy, như vậy. Nếu các thầy quán như vậy rồi, tâm không hướng ra bên ngoài, không bị phân tán, tâm an tru bên trong, do không chấp thủ nên không sợ hãi. Như vậy sẽ không còn sanh, già, bệnh, chết nữa, đó gọi là sự diệt tận kh8."ở dây, Thế Tôn chỉ giảng thuyết sơ lược nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rõ ràng như thế. Này chư Hiền! Các vị hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ, nếu đức Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền nên thọ trì nghĩa ấy. [0696b06] Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, roi từ chỗ ngoi đứng dậy nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, sau đó lui ra đi đen chỗ Thế Tôn cúi đầu đảnh lễ xong, ngoi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Thế Tôn chỉ giảng thuyết sơ lược về nghĩa này nhưng không giải thích tường tận, rồi Ngài liền rời khỏi chỗ ngồi vào thất tĩnh tọa. Thế nên, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy đê giải thích một cách rõ ràng vê nghĩa đó. r A y Thê Tôn nghe xong, liên khen ngợi răng: Lành thay, lành thay! Đệ tử của Ta đúng là có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao như thế? Vì Ta chỉ nói sơ lược về nghĩa này, không giải thích tường tận, nhưng đệ tử ấy đã dùng văn cú như vầy, lời lẽ như vầy để giải thích rõ ràng nghĩa ấy. Đúng như những điều mà Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên đã giảng giải, các thầy hãy nên thọ trì như thế. Vì sao như vậy? Vì đã quán thông ý nghĩa nên nói như vậy. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.7

7 Bản Hán, hết quyển 42.

165. KINH THIÊN THẦN ở RỪNG ÔN TUYỀN1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa.12 Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề3 cũng đến thành Vương Xá, trú trong rừng On Tuyền.45Một hôm, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Tam-di-đề ra khỏi phòng đến suối Ôn Tuyền, cởi áo để trên bờ rồi xuống suối tắm rửa. Tắm xong, Tôn giả lên bờ, lau thân thể rồi mặc áo vào. Khi ấy, trời vừa rạng sáng, có một thiên thần dung sắc thù thắng, tướng mạo uy nghi, đến chỗ Tôn giả Tam-di-đề cúi đầu đảnh lê roi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vị thiên thần ấy vô cùng tuyệt diệu, rạng ngời chiếu soi khắp cả bờ suối ôn Tuyền. Sau khi đứng sang một bên rồi, thiên thần liền thưa với Tôn giả Tam-di-đề: Tỳ-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ "Một đêm an lành"5 hay không? FT1 _ _ • 9 __ J • 4L Á 4- / _ Ton gia Tam-di-đê đáp: Tôi không thọ trì bài kệ uMột đêm an lanh." Khi ấy, Tam-di-đề hỏi lại thiên thần: Ngài có thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" hay không? Thiên thần đáp: -Tôi cũng không thọ trì bài kệ uMột đêm an lanh" ấy. Ton giả lại hoi: Thế thì ai thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh,9 vậy? Thiên thần trả lời: Đức Thế Tôn đang du hóa tại thành Vương Xá này, trú trong rừng trúc Ca- lan-đa9 Ngài có thọ trì bài kệ uMột đêm an l^nh." Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện

1 Quyển 43. Nguyên tác: ôn Tuyền lâm thiên kinh (01. 0026.165. 0696Ồ26). Tham chiêu: M. 133, Mahākaccānabhaddekaratta Sutta (Kinh Đại Ca-chỉên-diên nhất dạ hiền gia). 2 Nguyên tác: Trúc lâm Ca-lan-đa viên (Kāranda VeẸuvana). 3 Tôn giả Tam-di-đề (‚Āyasmā Samiddhi). 4 Nguyên tác: ôn Tuyền lâm (‚Tapodārama), khu rừng có suối nước nóng (ôn Tuyền, Pali ghi là Tapodā), dưới chân núi Vebhāra, ngoài thành Vương Xá. Do vì đây là một địa danh nôi tiêng nên sử dụng Ôn Tuyền như một danh từ riêng. 5 Nguyen tác: Bạt-địa-la-đế ()phiên âm từ bhaddekaratta, gồm 2 thành tố là bhaddā (an lành, điềm lành, tốt đẹp) và ekaratta (mọt đêm).

kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ uMột đêm an lanh?9 Vì sao như vậy? Vì bài kệ "Một đêm an lành,, ấy có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, đưa đến Niết-bàn. Là người thiện nam có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, thầy cần phải khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ uMột đêm an lành" ấy. Thiên thần nói như vậy xong, cúi lạy sát chân Tôn giả Tampi-dề, nhiễu quanh ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Sau khi thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Tam-di-đề đến chỗ đức Phật, cung kính đảnh lễ rồi ngồi sang một bên và thưa: -Bạch Thế Tôn! Hôm nay5 lúc trời hừng sáng, con ra khỏi phòng đến suối Ôn Tuyền, cởi áo để trên bờ roi xuống suối tắm rửa. Tam xong, con lên bờ, lau thân thể rồi mặc áo vào. Khi ấy trời vừa rạng sáng, b6ng có một thiên thần dung nhan thù thắng, tướng mạo uy nghi đến chỗ con cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Lúc ấy, ánh sáng than diệu từ thiên than chói sáng khắp bờ suối On Tuyền. Sau khi đứng sang một bên rồi, thiên thần ấy liền thưa với con: "Tỳ- kheo! Thầy có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lanh9 hay khong?99 Con đáp: "Tôi không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành."' Khi ấy5 con liền hỏi lại thiên thần: "Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành5 hay kh6ng?"

Thiên thần đáp: “T6i cũng không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 ấy." Con lại h6i "Thế thì ai thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' vay?" Thiên thần trả lời: “Dức Thế Tôn đang du hóa tại thành Vương Xá này, trú trong rừng trúc Ca-lan-đa, Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành/ Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành/ Vì sao như vậy? Vì bài kệ 'Một đêm an lànhấy có pháp, có nghĩa, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí, đưa đến giác, đưa đến Niết-bàn. Là người thiện nam có niềm tin tha thiết, rời xa gia đình, sống không gia đình, làm người học đạo, thầy cần phải khéo léo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lnh' ấy.” Thiên thần nói như vậy xong, cúi lạy sát chân con rồi nhiễu quanh ba vòng và biến mất khỏi nơi ấy. [0697a08] Nghe xong, Thế Tôn hỏi: -Này Tam-di-đề! Thầy có biết thiên thần kia từ đâu đến và tên là gì chăng? _ • 9 rT^_ J • 4. Á 4- / Ton giả Tam-di-đê đáp: -Bạch Thế Tôn! Con không biết thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết vị áy tên gì. The Ton bao: -Này Tam-di-đề! Thiên thần kia tên Chánh Điện, làm tướng quân ở cõi trời Ba Mươi Ba. Khi ấy, Tôn giả Tam-di-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói bài kệ "Một đêm an lành" thì car Tỳ- kheo sau khi nghe xong, sẽ khéo thọ trì.

165. KINH THIÊN THẦN ở RỪNG ÔN TUYỀN 1095

The Ton bao:

Này Tam-di-đề! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo nhớ nghĩ, Ta sẽ nói cho thây nghe.

Ton giả Tam-di-đê đáp:

-Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Lúc đó, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật dạy:

Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai,

Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến.

Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy,

Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy.

Ạ _ /x/ _ A • _1 ẠJ _ Á

Nếu tu theo bậc Thánh, Thau ro noi chét sâu?

Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn.

r \

Găng tinh cân như vậy? Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ 6ÍMột đêm a lành* Đức Phật dạy như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền! Nên biết rằng Thế Tôn chỉ nói bài kệ tóm tắt này, không giải thích tường tận, rồi liền rời chỗ ngồi đi vào tịnh thất tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sâu, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ ẾMột đêm an lành [0697Ồỏ8] Các Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: "Này chư Hiền, ai có thể giải thích tường tận nghĩa mà Thế Tôn vừa nói một cách tóm tắt đó?" Các vị ấy lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được

các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kính trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những ý nghĩa mà Thế Tôn vừa nói tóm tắt. Này chư Hiền! Chúng ta hãy cùng đến chỗ Đại Ca-chiên-diên để thỉnh Tôn giả giải thích nghĩa này. Nếu Tôn giả Đại Ca-chiên-diên có giải thích điều gì thì chúng ta hãy khéo thọ tri.” Thế rồi, các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, cùng chào hỏi xong rồi ngồi sang một bên và thưa: -Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Xin Tôn giả biết cho, đức Thế Tôn vừa nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến.

Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. rpl Ấ M y • l Á . À Nếu tu theo bậc Thánh, Thâu rõ nôi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh can như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành.” Chúng tôi liền suy nghĩ: "Ai có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn đã nói tóm tắt d6?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kỉnh trọng. Như vậy, Tôn giả ấy có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa nói tóm tắt d6." Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy. Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên bảo: -Chư Hiên! Hãy lăng nghe tôi nói ví dụ, người trí nhờ nghe ví dụ sẽ hiêu được ý nghĩa. Chư Hiền! Như có người muốn tìm lõi cây,6 vì mong được lõi cây nên vác búa vào rừng, thấy cây cao lớn có đầy đủ gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa và lõi, nhưng người ấy không đốn gốc, thân, cành và lõi mà chỉ chặt nhánh và lá. Những điều chư Hiền vừa nói cũng giống như vậy. Thế Tôn vẫn còn ở đời mà chư Hiền kh6ng thưa hỏi lại đi tìm tôi để hỏi về nghĩa này. Vì sao như thế? Chư Hiền! Nên biêt Thế Tôn là bậc có mắt, có trí, có nghĩa, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân dế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Chư Hiền! Nen đến chỗ Thế Tôn mà hỏi nghĩa ấy: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Thế Tôn giảng giải thế nào thì các vị hãy khéo thọ trì thế ấy. [0697C10] Lúc đó, các Tỳ-kheo thưa: —Thưa vâng, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên! Thế Tôn là bậc có mắt, co trí, có nghía, có pháp, là đấng Pháp Chủ, Pháp tướng, nói nghĩa chân đế, hiển hiện tất cả nghĩa, do vậy hiệu Ngài là Thế Tôn. Lẽ ra chúng toi nên đến chỗ Thế Tôn để hỏi về nghĩa này: "Bạch Thế Tôn! Điều này như thế nào? Điều này có nghĩa gi?" Nếu Thế Tôn dạy thế nào thì chúng tôi sẽ khéo thọ trì thế ấy. Nhưng chúng tôi lại nghĩ, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên thường được Thế Tôn khen ngợi và được các bậc Phạm hạnh có trí tuệ kính trọng nên Tôn giả có thể giải thích tường tận những nghĩa mà Thế Tôn vừa giảng nói tóm tắt. Cúi xin Tôn giả Đại Ca-chiên-diên rủ lòng thương tưởng mà giảng rõ nghĩa ấy cho! Tôn giả Đại Ca-chiên-diên liền bảo các Tỳ-kheo: Vậy chư Hiền! Hãy lắng nghe tôi nói. Thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ về quá khứ? Chư Hiền! Nếu Tỳ-kheo nào thật sự có mắt biết sắc đáng ưa, vừa ý, dáng nhớ, yêu thích sắc, tâm ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguôn, ngọn nguôn tức là quá khứ. Thức ở quá khứ của vị ấy bị nhiễm trước

6 Nguyên tác: Thật :Rắn chắc .Tham chiếu: A. 10.115 - v. 224: Sara cốt lõi, lõi cây.

bởi dục; do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên càng ưa thích; do ưa thích nên càng nghĩ tưởng quá khứ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; khi ý biết pháp đáng ưa5 vừa ý9 đáng nhớ, yêu thích pháp, tâm ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn và ngọn nguồn tức là quá khứ. Thức ở quá khứ của vị ây bị nhiễm trước bởi dục; do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên càng ưa thích; do ưa thích nên càng nghĩ tưởng quá khứ. Hiền giả, như vậy gọi là Tỳ-kheo nghĩ tưởng quá khứ. Chư Hiền! Thế nào là Tỵ-kheo không nghĩ tưởng quá khứ? Chư Hiền! Tỳ- kheo nào thật sự có mắt biết sắc đáng ưa, vừa ý, đáng nhớ, yêu thích sắc, ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn, ngọn nguồn tức là quá khứ. Thê nhưng, thức ở quá khứ của vi ây không bị nhiễm trước bởi dục; do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích; do không ưa thích nên không nghĩ tưởng quá khứ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; khi ý biêt pháp đáng ưa, vừa ý, đáng nhớ, yêu thích pháp, ưa thích do tương ưng với dục nên truy tìm ngọn nguồn và ngọn nguồn tức là quá khứ. Thế nhưng, thức ở quá khứ của vi ấy không bi nhiễm trước bởi dục; do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không nghĩ tưởng quá khứ. Hiền giả, như vậy gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. [0698a08] Thế nào là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở tương lai, nếu chưa được thì mong có được, đã được thì tâm mơ tưởng, do tâm mơ tưởng nên ưa thích, do ưa thích nên lại mơ tưởng tương lai. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối với ý căn, pháp trần và ý thức ở tương lai, nếu chưa được thì mong có được, đã được thì tâm mơ tưởng, do tâm mơ tưởng nên ưa thích, do ưa thích nên lại mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai. Thế nào là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở tương lai, nếu chưa được thì không mong được, đã được thì tâm không mơ tưởng, do tâm không mơ tưởng nên không ưa thích, do không ưa thích nên khônẹ mơ tưởng tương lai. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đôi với ý căn? pháp trân và ý thức ở tương lai, nếu chưa được thì không mong được, đã được thì tâm không mơ tưởng, do tâm không mơ tưởng nên không ưa thích, do không ưa thích nên không mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền, như vậy gọi là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai. Này chư Hiền! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên ưa thích, do ưa thh nên chấp thủ pháp hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối với ý căn, pháp tran và ý thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vi ấy bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy bị nhiễm trước bởi dục nên ưa thích, do ưa thích nên chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại.

Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Chư Hiền! Tỳ-kheo nào đối với nhãn căn, sắc trần và nhãn thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy không bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không chấp thủ pháp hiện tại. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân cũng như vậy; Tỳ-kheo nào đối với ý căn, pháp tran và ý thức ở hiện tại, nếu thức ở hiện tại của vị ấy không bị nhiễm trước bởi dục, do thức ấy không bị nhiễm trước bởi dục nên không ưa thích, do không ưa thích nên không chấp thủ pháp hiện tại. Này chư Hiền, như vậy là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại. [0698b05] Này chư Hiền! Thế Tôn đã nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào thất tĩnh tọa: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. FTīl Ặ /V _ K Ặ À Nếu tu theo bậc Thánh, l Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành." ở đây, Thế Tôn chỉ giảng nói tóm tắt bài kệ này, không giải thích tường tận, tôi đã dùng văn cú như trên, lời lẽ như trên để giải thích rõ ràng như thế. Này chư Hiền! Các vi hãy đến chỗ Thế Tôn trình bày đầy đủ? nếu đức Thế Tôn dạy nghĩa gì thì chư Hiền nên thọ trì nghĩa ấy. Khi các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Đại Ca-chiên-diên chỉ bày, liền khéo ghi nhớ thọ trì, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu quanh Tôn giả ba vòng, sau đó lui ra đi đến chô Thê Tôn cúi lạy xong, ngôi sang một bên

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ9 ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ12 du hóa giữa dân chúng họ Thích,3 ngụ tại thiền thất trong khu rừng.45Một hôm, trời vừa rạng sáng, Tôn giả Lô-di-cường- kỳ rời thiền thất, đi đến chỗ bóng mát nơi khoảng đất trống cạnh thiền thất, trải tọa cụ lên giường dây roi ngôi kiêt-già tĩnh tọa. Khi ây, trời vừa rạng sáng, có một Thiên thân dung sác thù thăng, tướng mạo uy nghi, đến chỗ Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vi Thiên thần ấy vô cùng tuyệt diệu, rạng ngời chiếu soi khắp cả thiền thất. Sau khi đứng sang một bên rồi, Thiên thần liền thưa với Tôn giả Lô-di-cường-kỳ: Thưa Tỳ-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ "M0t đêm an lnh"5 và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy chăng? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ trả lời: -Tôi không thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh" và cũng không nắm được ý nghĩa của bài kệ. Rồi Tôn giả hỏi lại Thiên thần: Ngài có thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh59 và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy chăng? Thiên thần đáp: -Tôi có thọ trì bài kệ "Một đêm an lanh59 nhung không nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy.

1 Nguyên tác: Thích trung thiền thất tôn kỉnh roi. 0026.166. 0698c03. Tham chiếu: Tôn thượng kinh 0.01. 0077. 0886a25; M. 134, Lomasakañgiyabhaddekaratta Suita Kinh Lomasakangiya nhát dạ hiên giã. 2 Lô-di-cường-kỳ ,Lomasakahgiya. 3 Nguyên tác: Thích trung ,Sakkesu'. Trong dân chúng họ Thích.

4 Nguyên tác: yôsự thiền thất Thiền thất ở trong rừng. Vô sự còn được dịch là A-lan-nhã arañña. 5 Nguyên tác: Bạt-địa-la-đế .Xem chú thích 5, kinh số 165, tr. 1093.

Tôn giả Lô-di-cường-kỳ lại hỏi: Sao ngài thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" mà lại không nắm được ý nghĩa? Thiên thần đáp: -Một thời, Thế Tôn du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan- đa. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Tỳ-kheo nghe bài kệ "Một đêm an lành" như sau: Chớ nghĩ vê quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành.” [0699a01] Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" như vậy, nhưng không thể nắm được ý nghĩa của bài kệ. Ton gia Lô-di-cương-ky hoi Thiên than: -Vậy ai là người thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy? Thiên thần đáp: - Thế Tôn đang du hóa nước Xá-vệ này, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ngài là người thọ trì bài kệ "Một đêm an lành" và nắm được ý nghĩa của bài kệ này. Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ "Một đêm an lành" cùng ý nghĩa của bai kệ ấy. Vì sao như vậy? Vì bài kệ "Một đêm an lành,5 và ý nghĩa của bài kệ rất có đạo lý, rất có pháp vị, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niêt-bàn. Là người thiện nam có niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì thây cân phải khéo thọ trì, tụng tập bài kệ "Một đêm an lanh” và ý nghĩa của bài kệ ấy. Nói như vậy xong, thiên thần đảnh lễ và nhiễu quanh Tôn giả Lô-di-cường-kỳ ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Sau khi Thiên thần biến mất không lâu, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ cũng kết thúc an cư mùa mưa nơi dân chúng họ Thích. Qua ba tháng an cư, việc may vá y TêMỳêà ệMĩNữMNữọõê9í”ỏúêộộ9ọ,,ê5)ấ67,êM"ê9b)êọõê9í”ỏê5s7

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH ộ HOI

Khi ấy, trời vừa rạng sáng, có một thiên thần dung sắc thù thắng, tướng mạo uy nghi, đen chỗ con cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Dung sắc oai thần của vi thân áy vô cung tuyệt diệu, rạng ngời chiêu soi khắp cả thiên that. Sau khi đứng qua một bên, vị thiên thần ấy liền hỏi con: "T'-kheo! Thầy có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ chng?" Con trả lời rằng: "T6i không thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 và cũng không nắm được ý nghĩa của bài ke Lúc đó con hỏi lại thiên thần: "Ngài có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ chpg?" Thiên thần đáp: “T6i có thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành\ nhưng không nắm được ý nghĩa của bài kệ.,, Rồi con lại hỏi: "Tại sao thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành' mà lại không nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy?" Thiên thần đáp: "Mot thời, Thế Ton du hóa tại thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Thế Tôn nói cho các Ty-kheo nghe bài kệ 'Một đêm an lành' như sau: Chớ nghĩ vê quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Y

niệm thường đôi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sâu? Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ 'Một đêm an lành.' [0699Ồ09] Này Tỳ-kheo? tôi thọ trì kệ 'Một đêm an lành9 như vậy, nhung không thể nắm được ý nghĩa của no." Con lại hỏi thiên than: "Vậy ai là người thọ trì kệ 'Một đêm an lành' và nắm được ý nghĩa của bài kệ ấy?" Thiên thần đáp: "Thế Tôn đang du hóa tại nước Xá-vệ này, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Ngài là người thọ trì bài kệ 'Một đêm an lành9 và nắm được ý nghĩa của bài kệ này. Tỳ-kheo! Thầy hãy đến diện kiến và nương theo Thế Tôn rồi khéo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành' và ý nghĩa của bài kệ ấy. Vì sao như vậy? Vì bài kệ 'Một đêm an lành' và ý nghĩa của bài kệ rất có đạo lý, rất có pháp vị, là căn bản Phạm hạnh, đưa đến trí tuệ, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn. Là người thiện nam có niêm tin tha thiêt, rời xa gia đình, sông không gia đình, làm người học đạo thì thầy cần phải khéo thọ trì, tụng tập bài kệ 'Một đêm an lành9 và ý nghĩa của bài kệ ấy." Nói như vậy xong, thiên thần cúi đầu đảnh lễ và nhiễu quanh con ba vòng rồi biến mất khỏi nơi ấy. Nghe xong, Thế Tôn hỏi Tôn giả Lô-di-cường-kỳ: Thầy có biết thiên thần kia từ đâu đến và tên gì không? Tôn giả Lô-di-cường-kỳ thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Con không biết thiên thần kia từ đâu đến, cũng không biết vị ấy tên gì.

The Ton bao: -Này Lô-di-cường-kỳ! Thiên thần kia tên là Ban-na56 làm tướng quân ở cõi trời Ba Mươi Ba. Lúc ấy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ thưa: -Kính bạch Thế Tôn! Nay thật đúng thời. Kính bạch Thiện Thệ! Nay thật đúng lúc. Nếu Thế Tôn vì chúng Tỳ-kheo mà nói bài kệ "Một đêm an lành,5 và ý nghĩa của bài kệ ấy thì các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ khéo thọ trì. Đức Thế Tôn bảo: Này Lô-di-cường-kỳ! Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ giảng rộng nghĩa ấy cho thầy nghe. Tôn giả Lô-di-cường-kỳ bạch: Kính vâng, con xin lắng nghe! Phật dạy: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, r 9 J Tỳ-kheo hãy tư duy, Y niệm thường đôi thay, Người trí nên biết vậy. Nếu tu theo bậc Thánh, Thau rõ noi chét sau, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Gắng tinh cần như vậy, Ngày đêm chẳng biếng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kẹ ưMột đêm an lành? [0699c08] Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo nghĩ về quá khứ? Nghĩa là Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở quá khứ, tham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thh đoi với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo nghĩ tưởng quá khứ. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước và không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai? Nghĩa là Tỳ-kheo vui thích đoi với sắc ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo mơ tưởng tương lai.

6 Ban-na Candana: Theo DPPN, đây là tên của vị ưu-bà-tắc trong thời Phật Ca-diếp, cũng là bạn thân của Tỳ-kheo Lomasakañgiya. Vị cư sĩ yêu cau Tỳ-kheo giải thích bài kệ này nhirng vị Ty-kheo không thể giải thích và hứa hẹn việc đó ở tương lai.

166. KINH TÔN GIẢ ở THIỀN THẤT TRONG DÂN CHÚNG HỌ THÍCH 1103

Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đoi với sắc ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước và không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không mơ tưởng tương lai. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? Đó là Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở hiện tại, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo vui thích đôi với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, ham muôn, châp trước và dính mác vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo châp thủ pháp hiện tại. Này Lô-di-cường-kỳ! Thế nào là Tỳ-kheo không chấp thủ pháp hiện tại? Đó là Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó. Cũng vậy, Tỳ-kheo không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mác vào đó. Như vậy gọi là Tỳ-kheo không châp thủ pháp hiện tại. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả Lô-di-cường-kỳ và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

167. KINH A-NAN THUYẾT1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. [0700a01] Bấy giờ, vào buổi tối, Tôn giả A-nan nói bài kệ "M0t đêm an lành"2 và ý nghĩa của bài kệ này cho các Tỳ-kheo đang nhóm họp tại giảng đường. The roi, khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, có vi Ty-kheo đi đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ Ngài rồi ngồi sang một bên và thưa: Kính bạch Thế Tôn! Tối hôm qua, Tôn giả A-nan có nói bài kệ "Mot đêm an lành" và ý nghĩa của bài kệ này cho các Ty-kheo nhóm họp tại giảng đường. Khi đó, đức Thế Tôn bảo một Ty-kheo: Thầy hãy đi đến chỗ của Tỳ-kheo A-nan rồi nói như vầy: "Thua Tôn giả A-nan! Thế Tôn truyền gọi thầy." Vị Tỳ-kheo kia vâng lời đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ và nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đi đến chỗ của Tôn giả A-nan và nói: Đức Thế Tôn truyền gọi Tôn giả A-nan! Tôn giả A-nan liền đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ rồi đứng sang một bên. Đức Thế Tôn liền hỏi: Này A-nan! Tối hôm qua, có thật thầy đã nói bài kệ "Một đêm an lành59 và ý nghĩa của bài kệ ấy cho các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường? Tôn giả A-nan đáp: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thầy nói bai kệ "Một đêm an lành" và ý nghĩa của bài kệ ấy cho các Tỳ-kheo nghe như the nào? Tôn giả A-nan liền đọc bài kệ: Chớ nghĩ về quá khứ, Đừng mơ tưởng tương lai, Quá khứ đã qua rồi, Tương lai thì chưa đến. Chỉ có pháp hiện tại, Tỳ-kheo hãy tư duy, Ý niệm thường đổi thay, Người trí nên biết vậy.1 2

1 Nguyên tác: A-nan thuyết kinh 0.01. 0026.167. 0699c27). Tham chiếu: M. 132, Ānandabhaddekaratta Sutta (Kinh A-nan nhất dạ hiền giã). 2 Nguyên tác: Bạt-địa-la-đế ().Xem chú thích 5, kinh số 165, tr. 1093.

1106 KINH TRUNG A-HÀM

Nếu tu theo bậc Thánh, Thấu rõ nỗi chết sầu, Ta cần tránh xa mau, Chấm dứt đại khổ nạn. Găng tinh cân như vậy, Ngày đêm chăng biêng lười, Thế nên thường tụng đọc, Kệ "Một đêm an lành.” Đức Thế Tôn lại hỏi: -Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở quá khứ, tham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó; vui thích với thọ, tưởng, hành, thức3 ở quá khứ, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo nhớ nghĩ quá khứ. Thế Tôn lại hỏi: -Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ? Tôn giả A-nan đáp: Kính bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó; không vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo không nhớ nghĩ quá khứ. [0700b01] Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thê nào là Tỳ-kheo mong câu tương lai? Tôn giả A-nan đáp: -Kính bạch Thế Tôn! Nêu Tỳ-kheo vui thích đối với sắc ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó; vui thích đối với thọ, tưởng, hành, thức ở tương lai, ham muốn, chấp trước và dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo mong cầu ở tương lai. The Ton lại hỏi: Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai? Tôn giả A-nan đáp: Kính bạch Thế Tôn! Nếu Tỳ-kheo không vui thích đối với sắc ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó; không vui thích đôi với thọ5 tưởng, hành, thức ở tương lai, không ham muốn, không chấp trước cũng không dính mắc vào đó thì gọi là Tỳ-kheo không mong cầu ở tương lai. Thế Tôn lại hỏi: Này A-nan! Thế nào là Tỳ-kheo chấp thủ pháp hiện tại? 3 Nguyên tác: sắc, giác, tưởng, hành, thức :sắc ,rūpā, thọ ,vedanā, tưởng , saññā, hành ,sañkhārā,\huc
,viñnāna. J

168. KINH NGHIỆP CỦA Ý1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa nước Xá-vệ, ngụ tại Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phần cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tinh, hiển bày Phạm hạnh, đó là Kinh phăn biệt nghiệp của 2 là sự thọ sanh theo nghiệp của 23 Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! ý.1 Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. [0700C01] Phật dạy: Thế nào là sự thọ sanh theo nghiệp của ý? Nếu có Tỳ-kheo lìa dục, lìa pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ và lạc được sanh ra do sự viễn ly, chứng đạt và an trú Thiên thứ rnhát. Vi . • ây ưa thích . và muôn \e ran trú 9 trong .định này. Khi vị ây đã ưa thích và muôn an trú trong định này roi thì ăt han có trường hợp: An trú trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi Phạm thiên.45Chư thiên trên cõi Phạm thiên sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó? thọ hưởng hỷ lạc do lìa dục sanh và Tỳ-kheo đã chứng nhập Thiên thứ nhát sông ở cõi này,5 được thọ hưởng hỷ lạc do lìa dục sanh thì cả hai niềm hỷ lạc do lìa dục sanh này von không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Phạm thiên. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Phạm thiên. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa bỏ giác và quán, trong tâm bình đẳng thanh tinh, có hỷ có lạc do đinh sanh, chứng đạt và an tru Thiền thứ hai, không giác không quán. Vi

ây ưa thích và muôn an trú trong đinh này. Khi vi ây đã ưa thích và

1 Nguyên tác: Ỷ hành kỉnh roi. 0026.168. 0700b24. Tham chiếu: M. 120, Sañkhārupapatti Sutta Kinh hành scmh; A. 4.123 - II. 126; 4 4.124 - II. 128. 2 Phân biệt ỷ hành kinh . 3 Ý hành sanh sañkhāruppatti'. Thọ sanh do nghiệp của ý. Xem thêm A. 6.63 - III. 410: Cetanāham, bhikkhave, kammam vadāmi. Cetayitvā kammam karoti - kāyena vācāya manasā. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố ràng suy tư là nghiệp, sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý, HT. Thích Minh Châu dịch. 4 Nguyên tác: Phạm Thân thiên Brahmakāyikā, cũng gọi là Phạm Chúng thiên . 5 Tỳ-kheo đang sống ở Dục giới nhưng nhập Sơ thiền.

muốn an trú trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Hoảng Dục.6 Chư thiên trên cõi Hoảng Dục sanh ở nơi đó, tru ở nơi đó? thọ hưởng hỷ lạc do định sanh và Tỳ-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ hai, được thọ hưởng hỷ lạc do định sanh thì cả hai niềm hỷ lạc do đinh sanh này vôn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Hoảng Dục. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Hoảng Dục. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo lìa bỏ hỷ, an tru xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, điều mà bậc Thánh gọi là lạc trú trong xả và có chánh niệm. Vi áy ưa thích và muôn an tru trong định này. Khi vị áy đã ưa thích và muôn an tru trong định này roi thì at han có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó? khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Biến Tịnh.7 Chư thiên trên cõi Biến Tinh sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó, thọ hưởng lạc do ly hỷ sanh và Ty-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ ba, được thọ hưởng lạc do ly hỷ sanh thì cả hai sự thọ lạc do ly hỷ sanh này vốn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Biên Tịnh. Đôi với định này, vị áy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Biên Tịnh. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo diệt trừ ưu và hỷ trước đó, nên buông bỏ cả khổ và vui, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, một trạng thái không khổ không vui, gọi là xả niệm thanh tịnh. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong đinh này. Khi vị ấy đã ưa thích và muốn an trú trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó5 vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Quả Thật.8 Chư thiên trên cõi Quả Thật sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó, thọ hưởng diệu lạc do xả, niệm thanh tinh và Ty-kheo sống ở cõi này chứng nhập Thiền thứ tư, được thọ hưởng diệu lạc do xả, niệm thanh tịnh thì cả hai sự thọ hưởng diệu lạc nhờ xả, niệm thanh tịnh này vốn không khác biệt, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi Quả Thật. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi Quả Thật. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý.

6 Hoảng Dục thiên ,Ābhassarā còn gọi là Quang Âm thiên ,Cực Quang thiên . 7 Biến Tịnh thiên Subhakinhā.

8 Quả Thật thiên Vedapphalā còn gọi là Quảng Quả thiên .

168. KINH NGHIỆP CỦA Ý 1111

[0701a06] Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không nhớ nghĩ đến bất cứ tưởng nào khác, thể nhập Không vô biên xứ,9 chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ấy đã ưa thích và muốn an tru trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó5 khi qua đời liền được sanh trong cối trời Không Vô Biên Xứ. Chư thiên trên cõi Không Vô Biên Xứ sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó9 thọ hưởng tưởng Không vô biên xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Không vô biên xứ thì cả hai tưởng Không vô biên xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Không Vô Biên Xứ ấy. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiên cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Không Vô Biên Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Không vô biên xứ, thể nhập Thức vô biên xứ chứng đạt và an tru Thức vô biên xứ. Vị ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ấy đã ưa thích và muốn an tru trong định này rồi thì ắt hẳn có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Thức Vô Biên Xứ. Chư thiên trên cõi Thức Vô Biên Xứ sanh ở nơi đó5 trú ở nơi đó? thọ hưởng tưởng Thức vô biên xứ và Tỳ-kheo sông trong cõi này, được thọ hưởng tưởng Thức vô biên xứ thì cả hai tưởng Thức vô biên xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Xứ ấy. Đối với định này? vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Thức Vô Biên Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua Thức vô biên xứ, thể nhập Vô sở hữu xứ, chứng đạt và an tru Vô sở hữu xứ. Vi ấy ưa thích và muốn an trú trong định này. Khi vị ây đã ưa thích và muôn an trú trong định này roi thì ăt han có trường hợp: An trụ trong đó, vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Vô Sở Hữu Xứ. Chư thiên trên cõi Vô Sở Hữu Xứ sanh ở nơi đó5 trú ở nơi đó, thọ hưởng tưởng Vô sở hữu xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Vô sở hữu xứ thì cả hai tưởng Vô sở hữu xứ này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì định này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Xứ ấy. Đối với định này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Vô Sở Hữu Xứ. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý.

9 Nguyên tác: Vô lượng không xứ . 10 Nguyên tác: Vô lượng thức xứ .

1112 KINH TRUNG A-HÀM

[0701b01] Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả tưởng Vô sở hữu xứ, thể nhập Phi tưởng phi phi tưởng, chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ.11 Vị áy ưa thích và muôn an trú trong định này. Khi vị áy đã ưa thích và muôn an trú trong định này rồi thì ắt

hẳn có trường hợp: An trụ trong đó5 vui thích trong đó, khi qua đời liền được sanh trong cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Chư thiên trên cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ sanh ở nơi đó, trú ở nơi đó? thọ hưởng tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ và Tỳ-kheo sống ở cõi này, được thọ hưởng tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì cả hai tưởng này không có gì khác nhau, thảy đều như nhau. Vì sao như vậy? Vì trước tiên là nhờ hành trì đinh này, sau đó mới được sanh vào cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ấy. Đối với đinh này, vị ấy hành trì như vậy, tu tập như vậy, khiến cho rộng lớn như vậy, nên được sanh vào cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Như vậy gọi là thọ sanh theo nghiệp của ý. Lại nữa, Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thể nhập Tưởng thọ diệt,1112 tự thân tác chứng, thành tựu và an trú Tưởng thọ diệt, dùng tuệ quán chiếu, dứt sạch các lậu, thành tựu Đoạn trí.13 Trong các loại định thì đinh này là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Ví như nhờ vào con bò mới có sữa, từ sữa mới có lạc, từ lạc mới có sanh tô5 từ sanh tô mới có thục tô, từ thục tô mới có đề-hồ thì đề-hồ này được xem là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Cũng vậy9 trong các loại định thì đinh này là bậc nhất, lớn nhất, cao nhất, thù thắng nhất, vi diệu nhất. Khi đã thành tựu định này, nương theo định này và an trụ đinh này rồi thì chắc chắn không còn chịu kho sanh, già, bệnh, chết nữa. Đây gọi là dứt sạch khổ đau. Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

11 Nguyên tác: Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ . 12 Nguyên tác: Tưởng tri diệt . 13 Đoạn trí .Xem chú thích 8, kinh số 163, tĩ, 1084.

169. KINH CÂU-LÂU vô TRÁNH1 Tôi nghe như vầy: 2 ngụ tại thi trấn Kiếm- Một thời, đức Phật du hóa trong dân chúng Bà-kỳ,1 ma-săt-đàm9 thuộc nước Câu-lâu.34 Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: -Nay Ta sẽ nói pháp cho các thầy nghe, pháp ấy phần đầu vi diệu, phần giữa vi diệu và phan cuối cũng vi diệu, có nghĩa có văn, hoàn toàn thanh tịnh, hiển bày Phạm hạnh, gọi là Kinh phân biệt vô tránh^ Các thầy hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Bây giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lăng nghe. Đức Phật dạy: -Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh.5 Tránh xa hai cực đoan này thì có con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được định tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đên Niêt-bàn.67Có khen ngợi, có chê trách; có không khen ngợi, không chê trách mà chỉ nói pháp. Nên xác quyết về sự tịnh lạc, khi đã xác định rõ thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong. Chớ nói xấu sau lưng/ cũng đừng khen

1 Nguyên tác: Câu-lâu-sấu vô tránh kinh roi. 0026.169. 0701b22. Tham chiếu: M. 139, Aranavibhañga Sutta Kinh vô tránh phân biệt. 2 Nguyên tác: Bà-kỳ-sấu Bhaggesu, dân chúng của bộ tộc Bhaggâ. 3 Kiếm-ma-sắt-đàm Câu-lâu đô ấp Kammāsadhamma, thủ đô của dân chúng Kuru. 4 Phân biệt vô tránh kỉnh ,Aranavibhañga Sutto. 5 Nguyên tác: Vô nghĩa tương ưng .Nghĩa Lợi ích attho. Tham chiếu: M. 139: Anatthasarhhita không liên hệ đến mục đích. tá?:T,

.Tham chiếu: s. 56.11 - v. 420: Yo cāyarn kāmesu
kāmasukhallikānuyogo hīno gammo pothujjaniko anariyo anatthasarnhito, yo cāyam attakila- mathānuyogo dukkho anariyo anatthasamhito. Ete kho, bhikkhave, ubho ante anupagamma majjhimā patipadā tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaranī ñānakaranī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya samvattati. Một là đắm say trong các dục, hạ liệt, đe tiện, phàm phu, không xứng bạc Thánh, không liên hệ đen mục đích. Hai là tự hành khổ mình, ikho đau, khòng xưng bậc Thanh, không liên hẹ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Ty-kheo, là con đường tning đạo, do Như Lai Chánh Giác, tác thành mắt, tác thảnh trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niet-ban, HT. Thích Minh Châu dịch. 7 Nguyên tác: Đạo thuyết ,mang nghĩa như utương huề",có nghĩa là í4chế nhạo lẫn nhau,, .M. 139: Raho vādam nói chuyện bí mật, nói lén.

trước mặt. Nói phải có chừng mực, chớ nói không biết chừng mực. Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là dúng, cũng chớ nói đó là sai. Đó là những vấn đề trong Kinh phân biệt vô tránh. "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", van đe này được nói vì nguyên do gì? "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu" là một cực đoan. "Chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành khổ tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh" cũng là một cực đoan. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Chớ mong cầu dục lạc, vì đây là nghiệp vô cùng thấp kém, là việc làm của hàng phàm phu; cũng chớ mong cầu tự thân khổ hạnh, vì thực hành kho tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh." [0701C13] “Tránh xa hai cực đoan này thì có con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được định tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bn", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi có Thánh đạo có tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định, đó gọi là tám. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Tránh xa hai cực

Sự trói buộc của sanh hữu8 chưa được dứt sạch, pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó cho nên tự chê trách mình. Vì sao như vậy? Vì nếu sự trói buộc của sanh hữu chưa được dứt sạch thì sanh hữu kia cũng không dứt sạch. Cho nen pháp ấy nhất định có não phiền, có nóng bức, có sầu ưu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này cho nên tự chê trách mình. Nếu sự sanh hữu đã được dứt sạch thì pháp này không có khổ, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điêu này nên tự khen mình. Vì sao như vậy? Vì nêu như sự trói buộc của sanh hữu được dứt sạch thì sanh hữu của vị ấy cũng được dứt sạch, thế nên pháp ấy nhát định không khô, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu5 thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều đó cho nên tự khen mình. [0702a09] "Không tìm cầu sự an lạc bên trong pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức? có ưu sầu, thuộc

tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên tự chê trách mình. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào không mong cầu sự an lạc bên trong thì người ấy cũng không tìm cầu bên trong, vậy nên người ấy nhất đinh có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều này nên tự chê trách mình. “Tim cầu an lạc bên trong”, pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này nên tự khen mình. Vì sao như vậy? Vì nếu người nào biết tìm cầu an lạc bên trong thì người ây cũng tìm câu bên trong, vậy nên người ây nhát định không có khô, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên tự khen mình. Như vậy gọi là có khen ngợi, có chê trách mà không thuyết pháp; không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp. Thế nào là "không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp?” Nếu có dục tương ưng với lạc, cùng đi với hỷ? là nghiệp thấp hèn, là hạnh của phàm phu thì pháp này có khô, có não phiên, có nóng bức, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Dục là vô thường, là khổ, là pháp hoại diet." Vị ấy biết dục là vô thường nên pháp ấy nhất đinh có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều đó nên liền thuyết pháp. "Tự hành khổ hạnh, cho đến khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", pháp này có khổ, có não phiên, có nóng bức, có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ây biêt điêu này nên liên thuyêt pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: “Tự hành khổ hạnh, cho đen khổ hạnh tột bực cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không khế hợp với mục đích cứu cánh", pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà

8 Nguyên tác: Hữu kiết ,.Hữu bhavā ỉằ. sự tồn tạir của sinh mang chúng sanh, là một yếu tố trong 12 nhân duyên. Kiết scưỊĩyọịQnà, viết tăt của "kiSt phugc",nghĩa là sự trói buộc.

hạnh. Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vi ấy biết điều đó nên liền thuyết pháp. [0702b03] "Sịt trói buộc của sanh hữu không được dứt sạch9\ pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu thuộc về tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nếu sự trói buộc của sanh hữu không được dứt sạch thì sự sanh hữu kia cũng không dứt sạch, thế nên người ấy nhất định có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh." Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khổ5 có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy đã biết điều đó nên liền thuyết pháp. "Sự trói buộc của sanh hữu đã được dứt SQch", pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ây biêt điêu này nên liên nói pháp. Vì sao như vậy? Vị ây không nói như vây: “Nếu sự trói buộc của sanh hữu được dứt sạch thì sanh hữu kia cũng dứt sạch, thê nên người ây nhát định không có khô, không có não phiên, không có nóng bức, không có ưu sau, thuộc chánh hạnh." Nêu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp không khổ, không có não

phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. "Không mong cầu sự an lạc bên trong", pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền nói pháp. Vì sao như vậy? Vi ấy không nói như vầy: "Nấu người nào không mong cầu sự an lạc bên trong thì người ấy cũng không cầu bên trong. Thế nên người ấy nhất định có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh.^, Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp khô, có não phiên, có nóng bức5 có ưu sâu, thuộc tà hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. "Mong cầu sự an lạc bên trong", pháp này không có khổ, không có não phiền, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vị ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Vì sao như vậy? Vị ấy không nói như vầy: "Nếu người nào có tìm câu sự an lạc bên trong thì người ây cũng tìm câu bên trong. Cho nên người ây nhát định không có khô5 không có não phiên, không có nóng bức, không có ưu sầu, thuộc chánh hạnh.^, Nếu không thấu đạt pháp này thì chỉ có pháp không kho, không não phiền, không nóng bức? không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Vi ấy biết điều này nên liền thuyết pháp. Như vậy gọi là "Không khen ngợi, không chê trách mà chỉ thuyết pháp." Vì nguyên do này cho nên mới nói có khen ngợi có chê trách, có không khen ngợi có không chê trách mà chỉ thuyết pháp. "Nên xác quyết về sự tịnh lạc và sau khi đã xác định rõ thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi vì có sự an lạc không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của hàng phàm phu, là gốc của

tật bệnh, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên đâm, có thọ dụng,9 có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy. Có sự an lạc, là an lạc của bậc Thánh, là sự an lạc của vô dục, sự an lạc của viễn ly? là sự an lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không có sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lớn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy. [0702c04] Thế nào gọi là "Có sự an lạc không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của hàng phàm phu, là gốc của tật bệnh, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên dâm, có thọ dụng, có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy?" Nếu nhân nơi năm thứ dục mà người ấy sanh hỷ5 sanh lạc thì lạc ấy không phải là lạc của bậc Thánh mà là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh tật, là gốc của ung nhọt, là gốc của tên dâm, có thọ dụng, có sống chết, không đáng tu tập, không đáng hành trì, không đáng làm cho rộng lớn. Ta nói không nên tu tập đối với lạc ấy. Thế nào gọi là "C6 sự an lạc, là an lạc của bậc Thánh, là lạc của vô dục, là lạc của viễn ly, là lạc của tịch tinh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không có sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lơn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy?" Nếu có Tỳ-kheo nào lìa dục, lìa pháp xấu ác và bất thiện, cho đến chứng đạt và an trú Thiền thứ tư thì lạc này mới là lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, là lạc của viễn ly? là lạc của tịch tĩnh, là lạc của chánh giác, không có thọ dụng, không sống chết, đáng được tu tập, đáng được hành trì, đáng làm cho rộng lớn. Ta nói cần phải tu tập đối với lạc ấy. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Nên xác quyết ve sự tịnh lạc và sau khi đã xác định rõ

thì hãy tìm cầu sự an lạc vốn có bên trong." "Không nên nói lời chê bai sau lưng, cũng không nên khen ngợi trước mặt", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Bởi vì nói lời chê bai sau lung là không chân thật, là hư dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh; tuy cũng có lời nói chê bai sau lưng là lời chân thật, không hư dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu cánh; cũng có lời nói chê bai sau lưng là chân thật, không hư dối và tương ưng với mục đích cứu cánh. Trong đỏ, nếu có những lời chê bai sau lưng là lời không chân thật, hư dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh thì nhất đinh không nói. Nếu có những lời chê bai sau lưng mà là lời chân thật, không hư dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu cánh thì cũng nên học tập đừng nói những lời đó. Nếu có những lời chê bai sau lưng là lời chân thật, không hư dối, tương ưng với mục đích cứu cánh thì hãy biết thời, chánh niệm tỉnh giác để thành tựu lời nói ấy. Đối với trường hợp "khen ngợi trước mặt"

9 Nguyên tác: Hữu thực .Thực :Sự hưởng thụ, tho dụng thuộc thế
gian. Tham chiêu: SĀ. 471: Lạc thọ thế gian, khổ thọ thế gian, không kho không lạc thế gian .

cũng giống như vậy. Vì nguyên do này nên mới nói: "Đừng nói lời chê bai sau lưng, cũng đừng khen ngợi trước mặt.^, "N6i phải có chừng mực, chớ nói vượt quá chừng mựcc9,5 vấn đề này được nói vì nguyên do gì? Nói vượt quá chừng mực thì thân phiền muộn, niệm hay quên, tâm mệt mỏi, âm giọng khó nghe, không được rõ ràng, thông suốt;10 nói có chừng mực thì thân không phiền muộn, niệm không hay quên, tâm không mệt mỏi, âm giọng dễ nghe, rõ ràng, thông suốt. Vì nguyên do này nên mới nói: "N6i phải có chừng mực, chớ nói vượt quá chừng mực." [0703a02] "Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là đúng, cũng chớ nói đó là sai", vấn đề này được nói vì nguyên do gì? The nào là tùy theo phong tục địa phương? Đúng và sai ra sao? Nghĩa là tùy vào địa phương đó? xã hội đó5 sự việc đó mà có nơi gọi vật đó là cái bồn, có nơi gọi là cái khay, có nơi gọi là cái chậu, có người gọi là cái chén, có người gọi là đo đựng vật dụng. Y cứ theo địa phương đó, xã hội đó, sự việc đó mà có người gọi là cái bồn, hoặc nói là cái khay, hoặc nói là cái chậu, hoặc gọi là cái chén, hoặc gọi là đồ đựng vật dụng. Mỗi sự việc kia tùy thuộc tác dụng của nó, nên một be cho rang gọi như vậy là đúng, còn lại đều là sai. Như vậy gọi là tùy theo phong tục địa phương mà có đúng và sai. Thế nào là "Tùy theo phong tục địa phương, không có đúng cũng không có sai?" ở địa phương đó5 xã hội đó, sự việc đó, có người gọi vật đó là cái bồn, có người gọi là cái khay, có người gọi là cái chậu, có người gọi là cái chén, có người gọi là đồ đựng vật dụng. Y cứ theo địa phương đó, xã hội đó? sự việc đó mà hoặc gọi là cái bồn5 hoặc gọi là cái khay, hoặc gọi là cái chậu, hoặc gọi là cái chén, hoặc gọi là đồ đựng vật dụng. Mỗi sự việc kia không tùy thuộc vào tác dụng của nó, không một bề gọi như vậy là đúng, còn lại đều là sai. Như vậy gọi là tùy theo phong tục địa phương, không có đúng không có sai. Vì nguyên do này cho nên mới nói: "Tùy theo phong tục địa phương, đừng bảo đó là đúng, cũng chớ nói đó là sai." "C6 pháp hữu tránh và pháp vô tránh." Thế nào là pháp hữu tránh? Thế nao là pháp vô tránh? Nếu có dục tương ưng với lạc, cùng đi với

hỷ5 là nghiệp thấp hèn, là hạnh của phàm phu thì pháp này gọi là hữu tránh. Vì sao pháp này gọi là hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh, cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Nếu tự thân hành khổ hạnh, dù kho tột cùng cũng không phải hạnh của bậc Thánh, không tương ưng mục đích cứu cánh thì pháp này gọi là pháp hữu tránh. Vì sao pháp này gọi là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ, có não phiền, có nóng bức, có ưu sàu5 thuộc tà hạnh. Cho nên pháp này gọi là pháp hữu tránh. Tránh xa hai cực đoan này là

10 Nguyên tác: Thanh hoại, hướng trí giả bất tự tại dã ,nghĩa là nói nhanh quá, ngươi nghe không kịp hiểu.

con đường trung đạo, thành tựu đạo nhãn, thành tựu trí tuệ, được đinh tự tại, đưa đến thắng trí, đưa đến giác ngộ, đưa đến Niết-bàn, pháp này là vô tránh. Vì điều gì mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Sự trói buộc của sanh hữu chưa được đoạn hết thì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Sự trói buộc của sanh hữu đã được đoạn hết thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. [0703Ồ02] Không tìm cầu an lạc bên trong, pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sau, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Tìm cầu an lạc bên trong, pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Trong đó? nếu có sự an lạc không phải là sự an lạc của bậc Thánh mà là lạc của phàm phu, là gốc của bệnh tật, gốc của ung nhọt, gốc của tên đâm, có thọ dụng, có song chết thì không nên hành trì, không nên tu tập, không nên làm cho rộng lớn. Ta nói pháp ấy không nên tu tập, vì pháp này là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu5 thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó, nếu có sự an lạc là an lạc của bậc Thánh, lạc của vô dục, lạc của viễn ly, lạc của tịch tịnh, của chánh giác, không có thọ dụng, không có sống chết thì nên hành trì, nên tu tap, nên làm cho rộng lớn. Ta nói đối với pháp ấy cần phải tu tập thì pháp này là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp vô tránh? Vì pháp này không khổ đau, không não phiền, không nóng bức, không ưu sầu, thuộc chánh hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp vô tránh. Trong đó, nếu có lời nói chê bai sau lưng mà không chân thật, giả dối, không tương ưng với mục đích cứu cánh thì pháp này là pháp hữu tránh. Vì điều gì mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó9 nếu có lời chê bai sau lung mà chân thật, không giả dối, nhưng không tương ưng với mục đích cứu

cánh thì pháp ấy là pháp hữu tránh. Do đâu mà nói pháp này là pháp hữu tránh? Vì pháp này có khổ đau, có não phiền, có nóng bức, có ưu sầu, thuộc tà hạnh. Cho nên nói pháp này là pháp hữu tránh. Trong đó, nếu có lời chê bai sau lưng, chân thật, không giả dối và tương ưng với mục đích cứu cánh thì pháp ấy là pháp vô tránh. Do đâu mà nói pháp này là

170. KINH ANH vũ1 (2)

1 Quyển 44. Nguyên tác: Anh Vũ kinh 0026.170. 0703c20). Tham chiếu: Đâu-điều kinh (01. 0078. 0887b04)4 Vukinh^ỉậ 0888bl5); Ptó/v/ Thủ-ca trưởng giả thuyết nghiệp bảo sai biệt kỉnh (T.01. 0080. 0891 an); Phân biệt thiện ác bảo ưng kinh(40Ĩ. o1. 08%.b%*)(L01- 0026.152. 0666c26); Phật thuyết Tỉnh Ỷ ưu-bà-tắc sở vấn kinh (T. 17. 0755. 0588c08); M. 99, Subha Sutta (Kỉnh Subha); M. 135, Cūlakammavibhañga Suita (Tiểu kinh nghiệp phân biệt). 2 Anh Vũ ()Sanskrit ghi là Suka, M. 99 ghi là Subha. 3 Đô-đề tử (,Todeyyaputta). 4 Bản Tống, Nguyên, Minh ghi là

l

Thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề vừa nghe xong thì lập tức nổi giận, muốn vu khống Thế Tôn, muốn hủy báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn. Với ý đinh vu khống, hủy báng và hạ nhục Sa-môn Cù-đàm như vậy, anh ta liền từ Xá-vệ đi đến Thắng Lâm, vườn cấp Co Độc. Khi ấy, Thế Ton đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Thế Tôn trông thấy thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề đang từ xa đi(tén, Ngài liền hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề đang đi đến không? Các Tỳ-kheo trả lời: Kính bạch Thế Tôn, có thấy! Đức Thế Tôn bảo: Nêu như ngay lúc này mà thiêu niên Anh Vũ, con ông Đô-đê qua đời thì trong khoảnh khắc như co duỗi cánh tay, cậu ta liền đọa vào địa ngục. Vì sao như vậy? Vì cậu ta đang rất giận Như Lai. Nếu có chúng sanh nào ôm lòng sân hận thì sau khi qua đời nhất định sẽ rơi vào đường ác, đọa vào địa ngục. Thế rồi, thiếu niên Anh Vũ5 con ông Đô-đề đến chỗ đức Phật, nói với The Ton: Sa-môn Cù-đàm! Hôm nay, ông có đến nhà tôi khất thực phải không? Đức Thế Tôn trả lời: -Đúng vậy. Hôm nay, Ta có đến nhà cậu khất thực. -Cù-đàm! Ong nói gì với con chó trắng của tôi, khiến nó rất giận, nhảy xuông giường và đên bên lùm cây năm dài thiêu não? Đức Thế Tôn trả lời: -Hôm nay, lúc trời vừa sáng, Ta đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, dần đến nhà cậu. Lúc ấy, con chó trắng trông thấy Ta từ xa đi đến, nó liền sủa. Ta liền nói với con chó trắng: “Nguôi không nên như vậy. Ngươi hết gầm gừ rồi lại siỉa." Vì vậy, con chó trắng rất giận dữ, nhảy xuống khỏi giường, đến bên lùm cây nam dài thiểu não. Thiếu niên Anh Vũ hỏi Thế Tôn: -Con chó trăng này ở đời trước có liên hệ gì với tôi? The Ton liên bao: Thôi thôi Anh Vũ! Cậu chớ nên hỏi Ta. Cậu nghe việc này rồi chắc chắn sẽ không vui. Thiếu niên Anh Vũ hỏi đi hỏi lại Thế Tôn đến lần thứ ba: ĩ

-Con chó trăng này ở đời trước có liên hệ gì với tôi? [0704Ồ04] Đức Thế Tôn cũng lặp lại ba lần: Thôi thôi Anh Vũ! Cậu chớ nên hỏi Như Lai. Cậu nghe việc này rồi chắc chắn

sẽ không vui.

170. KINH ANH vũ (2) 1123

Thế Tôn lại bảo Anh Vũ: Cậu hỏi Ta đến ba lần mà không chịu dừng. Anh Vũ nên biết, trong đời trước, con chó trắng kia là cha của cậu, tên là Đô-đề. Nghe lời này xong, thiếu niên Anh Vũ nổi giận gấp bội, muốn vu khống Thế Tôn, muốn hủy báng Thế Tôn, muốn hạ nhục Thế Tôn. Với ý định vu khống, hủy báng, hạ nhục như vậy, cậu ta nói với Thế Tôn: Ông Đô-đề5 cha tôi thực hành bố thí rộng khắp, thiết lập các lễ tế lớn, sau khi qua đời nhất định sanh vào cối Phạm thiên, chứ do nhân duyên gì mà sanh làm loài chó thấp kém này? Đức Thế Tôn bảo: Ong Đô-đê? cha của cậu do thói tăng thượng mạn nên sanh vào loài chó thấp kém. Phạm chí tăng thượng mạn, Chết rồi sinh sáu chốn, Chó, gà, heo và sói, Loài lừa hoặc địa ngục. Này thiếu niên Anh Vũ! Nếu không tin lời Ta nói, cậu hãy trở về nói với con chó trăng đó như vây: "Nêu thật sự đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy quay trở lại chiêc giường lớn.^^ Này Anh Vũ, con chó trăng đó nhát đinh sẽ trở lại trên chiêc giường lớn. Lại nói: "Nêu đời trước là cha của tôi, chó trăng hãy ăn trong cái đĩa băng vàng như cũ.,, Này Anh Vũ, con chó trăng chác chăn sẽ trở lại ăn trong chiếc đĩa vàng như cũ. Lại nói: "Nếu đời trước là cha của tôi, hãy chỉ cho tôi nơi cất giấu vàng, bạc, pha lê và châu báu mà tôi không biết.” Này Anh Vũ, con chó trắng chắc chắn sẽ chỉ cho anh nơi cất giấu vàng bạc, pha lê và châu báu mà anh không biết. Bấy giờ, thiếu niên Anh Vũ nghe những lời đức Phật nói5 ghi nhớ kỹ, nhiễu quanh đức Thế Tôn xong, trở về nhà và nói với con chó trắng: -Nếu đời trước là cha của tôi thì chó trắng hãy trở lại trên chiếc giường lớn. Lúc đỏ. con chó trắng liền quay trở lại chiếc giường lớn. -Nếu đời trước là cha của tôi thì chó trắng hãy trở lại ăn trong đĩa vàng như cũ. Con chó trắng liền quay lại ăn trong đĩa vàng như cũ. -Nêu đời trước là cha của tôi thì hãy chỉ cho tôi nơi trước đây cát giâu vàng bạc, pha lê và châu báu mà tôi không biết. Con chó trắng lập tức nhảy xuống giường, đi đến chỗ mà đời trước nó ngủ nghỉ, dùng miệng và chân đào bới bốn chân giường. Thiếu niên Anh Vũ đã tìm được rất nhiều của cải ngay tại nơi này. [0704c04] Khi thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề có được nhiều của báu thì vô cùng vui mừng, quỳ gối chấm đất, chắp tay hướng về Thắng Lâm, vườn Cáp Cô Độc, ba lần xướng lên những lời khen ngợi đức Thế Tôn rằng:

1124 KINH TRUNG A-HÀM

-Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều không giả dối! Những lời Sa-môn Cù- đàm nói đều chắc thật! Những lời Sa-môn Cù-đàm nói đều như thật! Ba lần khen ngợi đức Thế Tôn xong, cậu ta rời Xá-vệ, đi đến Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô lượng đại chúng vây quanh. Trông thấy thiếu niên Anh Vũ từ xa đi đến, Thế Tôn liền hỏi các Tỳ-kheo: -Các thầy có thấy thiểu niên Anh Vũ đang đi đến đó không? Các Tỳ-kheo trả lời: - Kính bạch Thế Tôn, chúng con có thấy! Đức Thế Tôn bảo: -Nếu như ngay lúc này mà thiếu niên Anh Vũ qua đời thì chỉ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chắc chắn sanh vào cõi lành. Vì sao như vậy? Vì người ây rát có thiện tâm đôi với Ta. Nêu có chúng sanh nào sông với thiện tâm thì sau khi qua đời nhất đinh sẽ sanh vào đường lành, được sanh len CÕI trơi. :

Bấy giờ, thiếu niên Anh Vũ đến chỗ đức Phật, thăm hỏi Thế Tôn xong rồi ngồi sang một bên. Thế Tôn liền hỏi: -Thế nào thiếu niên Anh Vũ? Như lời Ta nói về con chó trắng có đúng hay không? Thiếu niên Anh Vũ bạch: Kính bạch Cù-đàm? thật đúng như lời Ngài nói. Kính bạch Cù-đàm, con còn có điều muốn hỏi, nếu Ngài cho phép thì con mới dám trình bày. Đức Thế Tôn bảo: Con hãy tùy ý hỏi! Thiếu niên Anh Vũ liền bạch Thế Tôn: -Kính bạch Cù-đàm9 do nhân gì5 duyên gì mà chúng sanh đều thọ thân người nhưng lại có người cao, kẻ thấp, có người đẹp, kẻ xấu. Vì sao như vậy? Kính bạch Cù-đàm! Con cũng thấy có người sống lâu, người chết yểu, có người nhiều bệnh, người ít bệnh; lại thấy có người đoan chánh, có người không đoan chánh; lại thấy có người có oai dức, có người không có oai đức; lại thấy có người sanh vào dòng tộc thấp kém, có người sanh trong dòng tộc cao quý; lại thây có người giàu c6, có người nghèo nàn; lại thấy có người trí tuệ thiện lành, có người trí tuệ xấu ác. Đức Thế Tôn đáp: -Những chúng sanh kia nhân nơi hành nghiệp của tự thân, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào nghiệp, y nơi nghiệp và nghiệp xứ; chúng sanh tùy vào hành nghiệp cao thấp mà có tốt đẹp và không tốt đẹp.

170. KINH ANH vũ (2) 1125

Thiếu niên Anh Vũ bạch với Thế Tôn: Sa-môn Cù-đàm nói quá tóm lược, không giải thích tường tận nên con không hiêu rõ được. Mong Sa-môn Cù-đàm vì con mà giải thích tường tận để con hiêu rõ ý nghĩa. [0705a01] Đức Thế Tôn bảo: -Này Anh Vũ, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng tường tận cho con! Thiếu niên Anh Vũ bạch: Kính vâng, con xin lắng nghe và lãnh thọ! Đức Phật bảo: Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ tuổi thọ ngắn ngủi? Nêu có kẻ nam, người nữ nào sát sanh, hung dữ, độc ác? uống máu, ý nghĩ ác hại, không có tâm từ bi đoi với tất cả chúng sanh cho đến các loài côn trùng, người đó lãnh chiu nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục, được sanh làm người thì tuổi thọ rất ngắn. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến đoản mạng, đó là kẻ nam, người nữ tạo nghiệp sát sanh, hung dữ, độc ác, uống máu. Này Anh Vũ nên biết, kẻ tạo nghiệp này sẽ bị quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ tuổi thọ rất dài? Nếu có kẻ nam, người nữ nào xa lìa nghiệp sát, đoạn dứt nghiệp sát, bỏ hẳn đao gậy, biết xấu hổ với người, biết thẹn với mình, có tâm từ bi? làm lợi lạc tất cả, cho đến loài côn trùng, người ấy thọ nhận nghiệp này, tạo tác đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sanh vào cõi người thì tuổi thọ rất dài. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen trường thọ, đó là khi kẻ nam, người nữ xa lìa nghiệp sát, đoạn tuyệt nghiệp sát. Này Anh Vũ nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ chịu nhiều tật bệnh? Nêu có kẻ nam, người nữ nào làm hại chúng sanh. Họ hoặc dùng nam tay, hoặc dùng cây cối, sỏi đá, hoặc dùng dao gậy để làm hại chúng sanh; họ tạo nghiệp này và tạo tác đầy đủ rồi, đến khi qua đời thì nhất đinh rơi vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì phải mang nhiều bệnh tật. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến chịu nhiều bệnh tật, đó là kẻ nam, người nữ nào nhiêu hại chúng sanh. Anh Vũ nên biêt, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gi,

duyên gì mà có kẻ nam, người nữ không có tật bệnh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không nhiễu hại chúng sanh, không dùng nắm tay, không dùng cây cối, sỏi dá, không dùng dao gậy nhiễu hại chúng sanh. Người ấy tạo nghiệp này và tạo đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sanh trong cõi người thì sẽ không chịu nhiều bệnh tật. Vì sao như vậy? Vì có con đường này dẫn đến không

bị bệnh tật, đó là kẻ nam, người nữ nào không làm hại chúng sanh. Anh Vũ nên biết, nhờ hành nghiệp này mà được quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có thân hình không đoan chánh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào tính tình nóng nảy, hay sân, vừa nghe chút điều trái tai đã nổi giận, thù ghét muốn hại, giận dữ bừng bừng, họ thọ nhận nghiệp này và tạo tác đầy đủ, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục, được sanh làm người thì chịu quả báo thân hình không đoan chánh. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến quả báo thân hình không đoan chánh, đó là kẻ nam, người nữ tính tình nóng nảy, hay sân. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có thân hình đoan chánh? Nếu có kẻ nam, người nữ nào tánh tình không nóng nảy, không hay sân giận, dù nghe lời nói êm ái hay thô tháo cũng không noi giận, không thù ghét muốn hại, không nổi giận bừng bừng; họ thọ nhận nghiệp này và tạo tác đay đủ, sau khi qua đời thì nhất định sanh vào đường lành, sanh trong cõi trời, mãn kiếp cõi trời sanh vào cõi người thì có thân hình đoan chánh. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo được thân hình đoan chánh, đó là kẻ nam, người nữ tánh tình không nóng nảy, không hay sân giận. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này được phước báo như vậy. [0705bl3] Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ không có oai đức? Nêu có kẻ nam, người nữ nào trong lòng thường đo ky, người ấy thây người khác được cung kính cúng dường, liên sanh lòng ganh ghét, nêu thây kẻ khác có của cải thì muôn chúng thuộc vê mình. Người ây tạo nghiệp này và tạo tác đây đủ roi, sau khi qua đời thì chăc chăn rơi vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì sẽ không có oai đức. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo không có oai đức, đó là kẻ nam, người nữ trong lòng đay ganh ghét. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có được oai đức lớn? Nêu có kẻ nam, người nữ không ôm lòng ganh ghét, thấy người khác được cung kính cúng dường không sanh lòng đố ky, thấy người khác có của cải cũng không ham muốn của ấy thuộc về mình; người ấy tạo nghiệp này và tạo tác đầy đủ roi, sau khi qua đời thì chắc chan sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cối trời được sanh làm người thì có oai đức lớn. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo có oai đức, đó là kẻ nam, người nữ không ôm lòng ganh ghét. Anh Vũ nên biết, nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ sinh vào dòng tộc tháp kém? Nếu có kẻ nam, người nữ nào có tâm kiêu ngạo, ngã mạn, người đáng cung kính mà không cung kính, đáng tôn trọng mà không tôn trọng, đáng quý mà không quý, đáng phụng thờ mà không phụng thờ, đáng cúng dường

mà không cúng dường, đáng nhường đường mà không nhường đường, đáng nhường chỗ ngồi mà không nhường chỗ ngồi, đáng chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi mà không chắp tay hướng về lễ bái, thăm hỏi; người ấy thọ nghiệp này và tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì bị sanh vào dòng dõi thấp kém. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo sanh vào dòng dõi thấp kém, đó là kẻ nam, người nữ có tâm kiêu ngạo, ngã mạn. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ sanh vào dòng dõi tôn quý? Nêu có kẻ nam, người nữ nào không có lòng kiêu ngạo, ngã mạn, đôi với người đáng cung kính thì cung kính, đáng tôn trọng thì tôn trọng, đáng quý mến thì quý mên, đáng phụng thờ thì phụng thờ, đáng cúng dường thì cúng dường, đáng nhường đuờng thì nhường đường, đáng nhường chỗ thì nhường chỗ, đáng chắp tay hướng ve lễ bái, thăm hỏi thì chắp tay hướng về lễ bái thăm hỏi; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn được sanh vào đường lành, sanh trong cõi trời, mãn kiếp cõi trời sanh trong cõi người thì được sanh vào dòng dõi tôn quý. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đen thọ báo sanh vào dòng dõi tôn quý, đó là kẻ nam, người nữ không có tâm kiêu ngạo, ngã mạn. Anh Vũ nên biêt, nghiệp này có quả báo như vậy. [0705C14] Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ nghèo thiếu của cải? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không làm thí chủ, không hành bố thí, không biết cúng dường bố thí cho Sa-môn, Phạm chí, cho những người nghèo khổ, cô độc, người tha phương các món đồ ăn? thức uống, quần áo, vòng hoa, hương xoa, nhà cửa, giường chõng, đèn đuốc, tôi tớ; người ấy thọ nhận nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiêp địa ngục được sanh làm người thì nghèo thiêu của cải. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo nghèo thiếu của cải, đó là kẻ nam, người nữ không làm thí chủ, không hành bố thí. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh Vũ5 do nhân gì5 duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có nhiều của cải? Nếu có kẻ nam, người nữ nào biết làm thí chủ, biết hành bố thí, biết cúng dường bố thí cho Sa-môn5 Phạm chí, người nghèo khổ, cô độc, hành khất phương xa những đồ ăn, thức uống, áo quần, vòng hoa, hương xoa, nhà cửa, giường chõng, đèn dầu và tôi tớ; người ấy thọ nhận nghiệp này và tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường lành, sanh lên cõi trời, mãn kiếp cõi trời, sinh lại làm người thì được phước nhiều của cải. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo được nhiều của cải, đó là kẻ nam, người nữ biết làm thí chủ, biết hành bố thí. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này được phước báu như vậy. Này Anh Vũ, do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có trí tuệ kém cỏi? Nếu có kẻ nam, người nữ nào không thường đến hỏi việc nơi các bậc Tôn

túc; nếu CÓ Sa-môn, Phạm chí danh dức, người ấy lại không đến tùy thời hỏi đạo lý nơi các vị ấy rằng:Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là tốt đẹp? Thế nào là không tốt đẹp? Thế nào là trắng?

Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Quả báo trong đời hiện tại có ý nghĩa thế nào? Quả báo ở đời vi lai có ý nghĩa thế nào?" Giả sử có hỏi nhưng lại không thực hành; người ây thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi9 sau khi qua đời thì chắc chắn sanh vào đường ác, đọa trong địa ngục, mãn kiếp địa ngục được sanh làm người thì sẽ chịu quả báo trí tuệ kém cỏi. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ kém cỏi, đó là kẻ nam, người nữ không đến hỏi việc nơi các bậc Tôn túc. Anh Vũ nên biết, hành nghiệp này có quả báo như vậy. Này Anh v do nhân gì, duyên gì mà có kẻ nam, người nữ có trí tuệ cao thượng? Nếu có kẻ nam, người nữ nào thường đến hỏi việc nơi các bậc Tôn túc; nếu có Sa-môn? Phạm chí danh đức thì người ấy thường đến đó mà tùy thời hỏi đạo rằng: "Thua chư Tôn, thế nào là thiện? Thế nào là không thiện? Thế nào là tội? Thế nào là không tội? Thế nào là tốt đẹp? Thế nào là không tốt đẹp? Thế nào là trắng? Thế nào là đen? Trắng và đen từ đâu sanh ra? Ý nghĩa của quả báo hiện tại là thế nào? Ý nghĩa của quả báo vị lai là thế nao?59 Hỏi rồi và khéo thực hành; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, sau khi qua đời thì người áy chác chan sanh vao đường lanh, sanh len cõi trời, mãn kiêp cõi trời sanh xuống nhân gian thì làm người có trí tuệ cao thượng. Vì sao như vậy? Vì có con đường này đưa đến thọ báo trí tuệ cao thượng, đó là kẻ nam, người nữ r . * -g • JT e thường đên hỏi việc nơi các bậc Tôn túc. Anh Vũ nên biêt, hành nghiệp này có quả báo như vậy. [0706a20] Anh Vũ nên biết, tạo nghiệp tương ưng với đoản thọ thì phải chiu quả đoản thọ; tạo nghiệp tương ưng với trường thọ thì được phước trường thọ; tạo nghiệp tương ưng với nhiều bệnh tật thì phải chịu quả nhiều tật bệnh; tạo nghiệp tương img với ít tật bệnh thì được phước ít tật bệnh; tạo nghiệp tương ưng với sự không đoan chánh thì phải chịu quả không đoan chánh; tạo tác nghiệp tương ưng với đoan chánh thì được phước đoan chánh; tạo nghiệp tương ưng với không oai đức thì phải chiu quả không có oai đức; tạo nghiệp tương ưng với có oai đức thì được phước có oai đức; tạo nghiệp tương ưng với dòng dõi thấp kém thì phải chiu quả sanh trong dòng dõi thấp kém; tạo nghiệp tương ưng với dòng dõi tôn quý thì được phước sanh vào dòng dõi tôn quý; tạo nghiệp tương ưng với sự nghèo thiếu của cải thì phải chịu quả nghèo thiếu của cải; tạo nghiệp tương ưng với sự đầy đủ của cải thì được phước đầy đủ của cải; tạo nghiệp tương ưng với trí tuệ thấp kém thì phải chịu quả trí tuệ thấp kém; tạo nghiệp tương ưng với trí tuệ cao thượng thì được phước có trí tuệ cao thượng. Này Anh Vũ, đây là những điều mà Như Lai đã nói ở trên: "Những chúng sanh kia nhân nơi hành nghiệp của tự thân, do nghiệp mà thọ báo, duyên vào

nghiệp, y nơi nghiệp và nghiệp xứ; chúng sanh tùy vào hành nghiệp cao thấp ma co tót đẹp va khòng tốt dẹ5." [0706b04] Thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề thưa: -Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu. Bạch Thiện Thệ! Con đã rõ. Kính bạch Thế Tôn! Nay con xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ-kheo5 cúi mong đức Thế Tôn cho con được làm ưu-bà-tắc. Ke từ hôm nay đến khi mạng chung, con nguyện trọn đời quy y! Bạch đức Thế Tôn, kể từ hôm nay, mong Ngài vào nhà Đô-đề như vào các nhà ưu-bà-tắc khác tại Xá-ve, để cho nhà Đô-đề luôn được phước lợi và ý nghĩa, được được an ổn và hân hoan! Đức Phật dạy như vậy, thiếu niên Anh Vũ, con ông Đô-đề và vô lượng đại chúng

Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP1 •

Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa thành Vương Xá, ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca- lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Tam-di-đề12 cũng ở thành Vương Xá, ngụ tại thiền thất trong rừng.3 Lúc ấy, sau buổi trưa, có ngoại đạo tên là Bộ-la-đà tử456thong thả đi đến chô Tôn giả Tam-di-đê? cùng nhau chào hỏi roi ngồi sang một bên và hỏi: Này Tôn giả Tam-di-đề, tôi có điều muốn hỏi, ngài cho phép chăng? Ton giả Tam-di-đe đáp: -Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Ông muốn hỏi thì xin tùy ý, tôi nghe xong sẽ suy nghĩ. Bộ-la-đà tử liền hỏi: —Này Tôn giả Tam-di-đề? chính tôi được nghe từ Sa-môn Cù"đàm9 được thọ giáo từ Sa-môn Cù-đàm, rang: "Thân nghiệp, khau nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại đinh, Tỳ-kheo nhập đinh đó thì không còn biết ” rwn Ạ _ • 9 rr\ _ 1• JLẠJ.- r Ton gia Tam-di-ae đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, ông chớ nói như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn. Hủy báng đức Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Hiền giả Bộ-la-đà tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: "Nêu cố ý tạo nghiệp/ khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta nói chắc chắn phải thọ báo, hoặc thọ báo trong hiện dời, hoặc thọ báo trong đời sau. Nếu không cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta không nói chắc chắn phải thọ

1 Nguyên tác: Phân biệt đại nghiệp kinh TOI. 0026.171. 0706blTham chiếu: M. 136, Mahākammavibhañga Sutta Đại kinh nghiệp phân biệt', Đại trí độ luận T25. 1509.24. 0238bl5-0239b07. 2 Tam-di-đề Samiddhi, con của một gia đình phú hào tại thành Vương Xá Rājagaha. 3 Nguyên tác: Vô Sự thiền thất ,Araññakutikā. 4 Bộ-la-đà tử ,vừa phiên âm và dịch nghĩa từ Potaliputta. 5 Nguyên tác: Vôsở giác .Theo Chủng tập kinh roi. 001.9. 0049b26, đó là ÍCđịnh vô tương,9 . 6 Nguyên tác: cố tác nghiệp .Tham chiếu: A. 6.63 - III. 410: Cetanāham, bhikkhave^ kammam vadāmi. Cetayitvā kammam karoti - kāyena vācāya manasā. Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bo rang suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý, HT. Thích Minh Châu dịch.

1132 KINH TRUNG A-HÀM

Ngoại đạo Bộ-la-đà tử lặp lại ba lần với Tôn giả Tam-di-đề: "Này Tôn giả Tam-di-đề, chính tôi được nghe từ Sa-môn Cù-đàm? được thọ giáo từ Sa-môn Cù-đàm5 rằng: 'Thân nghiệp, khẩu nghiệp là hư vọng, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Có một loại đinh, Tỳ-kheo nhập định đó thì không còn biết [0706c02] Tôn giả Tam-di-đề cũng ba lần đáp: “Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, ông chớ nói như vậy, chớ hủy báng đức Thế Tôn, hủy báng đức Thể Ton là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Nay Hiền giả Bộ-la-đà tử, đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói rằng: 'Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành rồi, Ta nói chắc chắn phải thọ báo, hoặc thọ báo trong hiện đời, hoặc thọ báo trong đời sau. Nếu không cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành roi, Ta không nói chắc chắn phải thọ báo.'" Bộ-la-đà tử hỏi: —Này Tôn giả Tam-di-đề! Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo thành thì phải thọ quả báo gì? FTÌ — __ J • 4- Ạ 4- L___ Tôn giả Tam-di-đe đáp: Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Nếu cố ý tạo nghiệp, khi nghiệp đã tạo

thành thì nhất định thọ quả báo khổ. Bộ-la-đà tử lại hỏi: -Này Tôn giả Tam-di-đề? ngài học đạo trong giáo pháp này đã bao lâu roi? rr* _ • 9 Ffn J • J. Á J. r _ Ton gia Tam-di-ae đáp: -Này Hiền giả Bộ-la-đà tử! Tôi học đạo trong giáo pháp này chưa được bao lâu, chỉ mới ba năm. Lúc ấy, Bộ-la-đà tử liền suy nghĩ: Ế6Tỳ-kheo niên thiếu mà vẫn có thể bảo hộ Tôn sư như vậy, huống gì là bậc Thượng tôn cựu học" Nghe Tôn giả Tam-di-đề nói như vậy, ngoại đạo Bộ-la-đà tử không cho là phải, cũng không cho là trái, liền rời khỏi chỗ ngồi, lắc đầu bỏ đi. Bấy giờ, Tôn giả Đại Châu-na7 đang ngồi nghỉ trưa cách chỗ của Tôn giả Tam-di-đê không xa, nên nghe rõ cuộc đôi thoại giữa Tôn giả Tam-di-đê với Bộ-la-đà tử. Tôn giả Đại Châu-na ghi nhớ tất cả, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đên chô Tôn giả A-nan, cùng chào hỏi xong, ngôi sang một bên và đem những lời thảo luận của Tôn giả Tam-di-đề và Bộ-la-đà tử thuật lại hết cho Tôn giả A-nan nghe. Tôn giả A-nan nghe xong thì bảo rằng: -Này Hiền giả Châu-na? nhân câu chuyện này, chúng ta nên đến gặp Thế Tôn và trình bày lên Ngài. Hiền giả Châu-na? chúng ta hãy cùng đến chỗ Thế Tôn và bạch lên Ngài tất cả nghĩa này. Có thể nhân đây chúng ta sẽ được nghe những pháp khác của Thế Tôn.

7 Đại Châu-na Mahācunda.

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP 1133

Rồi Tôn giả A-nan và Tôn giả Đại Châu-na cùng đi đến chỗ Phật. Tôn giả Đại Châu-na cúi lạy sát chân Phật rồi ngồi sang một bên. Tôn giả A-nan cúi lạy sát chân Phật roi đứng sang một bên và nói: Này Hiền giả Đại Châu-na! Hiền giả nên nói đi! Hiền giả hãy nói đi! [0707a01] Bấy giờ, Thế Tôn hỏi: Này A-nan, Tỳ-kheo Châu-na muốn nói điều gì? Tôn giả A-nan bạch: -Bạch Thế Tôn, Ngài sẽ được nghe ngay bây giờ. Rồi Tôn giả Đại Châu-na thuật lại đầy đủ câu chuyện giữa Tôn giả Tam-di- đề và Bộ-la-đà tử cho Phật nghe. Nghe xong, Thế Tôn bảo: -Này A-nan! Thầy xem, Tỳ-kheo Tam-di-đề là người mê mờ không biết đạo lý. Vì sao như vậy? Vì câu hỏi của Bộ-la-đà tử chưa rõ ràng8 mà Tỳ-kheo Tam-di-đề, người mê mờ kia lại trả lời xác đinh.9 Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, nếu Tỳ-kheo Tam-di-đề nhân việc này mà trả lời rằng: "Những gì được cảm thọ đều là khổ,9 thì có lỗi gì? Đức Thế Tôn liền trách Tôn giả A-nan: -Hãy xem, Tỳ-kheo A-nan cũng không biết đạo lý! Này A-nan, kẻ mê mờ Tam-di-đê được Bộ-la-đà tử hỏi vê ba loại cảm thọ: Cảm thọ khô, cảm thọ lạc và cảm thọ không khổ không lạc. A-nan, nếu kẻ mê mờ Tam-di-đề được Bộ-la- đà tử hỏi vấn đề đó thì nên trả lời như vầy: "Này Hiền giả Bộ-la-đà tử, nếu cố ý tạo nghiệp an vui, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo an vui. Nếu cố ý tạo nghiệp khổ, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo khổ đau. Nếu cố ý tạo nghiệp không kho không vui, khi nghiệp đã tạo thành thì sẽ thọ quả báo không khổ không vui." Này A-nan, nếu kẻ mê mờ Tam-di-đề được Bộ-la-đà tử hỏi và đáp như vậy thì Bộ-la-đà tử mắt còn không dám nhìn Tam-di-đề mê mờ ây, huông nữa lại có thê hỏi đên chuyện như vậy chăng? Này A-nan! Nếu thầy được nghe Ta giảng nói Kinh phân biệt rộng về nghiệp thì thây càng được tăng thượng tâm an tĩnh, càng được hoan hỷ đôi với Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay hướng Phật và bạch: - Bạch Thế Tôn, nay thật đúng thời! Bạch Thiện Thệ, nay thật đúng lúc! Nếu Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói Kinh phân biệt rộng về nghiệp, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ khéo thọ trì.

8 Nguyên tác: vấn sự bất định ()Câu hỏi không xác định; một trong 4 cách đặt vấn đề. Tham chiêu: M. 136: Vibhajja byākāniyopañha (câu hỏi phải trả lời phân tích). 9 Nguyên tác: Nhất hướng đáp ():Trả lời một chiều, phiến diện, chưa đầy đủ. Tham chiếu: M. 136: Ekamsena byākato ti (tra lơi một chiều).

1134 KINH TRƯNG A-HÀM

The Ton bao: Này A-nan, hãy lăng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng giải đây đủ cho thây! Tôn giả A-nan bạch: - Kính vâng, bạch Thế Tôn! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời lắng nghe. Đức Phật bảo: -Này A-nan! Hoặc có trường hợp một người kh6ng từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói d6i,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối9.. (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Này A-nan, hoặc có trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy thì được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. [0707b05] Này A-nan, hoặc có trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như the, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có vi Sa-môn? Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi liền suy nghĩ: "Không có nghiệp ác do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; không có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối5... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg tất cả những người ây sau khi qua đời đều nhất định được sanh vào cõi lành, sanh len c6i trời." Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến, ai thấy khác di, trí họ hướng vê nẻo tà chăng? Do một mực chập trước vào những gì được thấy, được biết, khiên họ đi đên chủ trương một chiêu răng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư dối?9

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP 1135

Này A-nan! Nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn]

như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi liền suy nghĩ: "Không có nghiệp lành do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; không có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thây kẻ kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối?... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói doi,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng tất cả những người ấy sau khi qua đời đều sanh vào cối ác, đọa vào địa ngúc." Ai thấy như vậy gọi là chánh kiến, nếu thấy khác đi, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Này A-nan! Nếu là trường hợp có người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, sanh trong địa ngục. Nếu có Sa-môn9 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia như vậy, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: “C6 nghiệp ác do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Ta thấy kẻ kia không tò bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối?... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy5 không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối9... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nên tất cả những người ấy sau khi qua đời đều bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngúc." Ai thấy như vậy là chánh kiến, nếu ai thấy khác, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Bây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." [0707C10] Này A-nan! Nếu là trường hợp có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do tò bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, thấy người kia, thấy rồi bèn tự suy nghĩ: "C6 nghiệp lành do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; có nghiệp lành do

miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo. Vì sao như vậy? Vì ta thấy người kia từ bỏ sát sinh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối;... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Nếu có trường hợp khác tương tự như vậy, từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối5... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thê nên những

người áy sau khi qua đời đêu được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ai thấy như vậy là chánh kiến, ai thấy khác, trí họ hướng về nẻo tà chăng? Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiên họ đi đên chủ trương một chiêu răng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư dôi.,^ Này A-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có vi Sa-mon, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như the này: "Không có nghiệp ác do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; không có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tao." Ta không đông ý với vi áy. Nếu vị ấy nói như thế này: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta đồng ý với vị ấy. Nêu vị áy nói như vây: "Nêu có những trường hợp khác tương tự như vậy? những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối?... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thê, nhung tát cả những người ây sau khi qua đời đêu nhát định được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta không đông ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ai thấy như vậy mới là chánh kiến, nếu thấy khác, trí hướng vê nẻo tà.” Ta không đông ý với vị áy. Do một mực châp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đông ý với vị ây. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. [0708a05] Này A-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn5 Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói thế này: "Không có nghiệp lành do thân tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; không có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng không có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tạo." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngqc." Ta đồng ý với vị ấy.

171. KINH PHÂN BIỆT RỘNG VỀ NGHIỆP 1137

Nếu vị ấy nói: "Những trường hợp khác tương tự như vậy, có người từ bỏ sát sinh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng tất cả những người ấy sau khi qua đời đều nhất đinh bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngúc." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy là chánh kiến, thấy khác, trí của họ hướng về nẻo tà." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Do một mực chấp trước vào những gì được thây, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Dây là sự thật, ngoài ra là hư d§i." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao như vậy? Này A-nan5 vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. NàyA-nan! Trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như vầy: "C6 nghiệp ác do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do thân tạo; có nghiệp ác do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp ác do miệng, do ý tạo?9 Ta đong ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Ta thấy người kia không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ

bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ïigqc." Ta đồng ý với vi ấy. Nêu vị ây nói: "Những trường hợp khác tương tự như vậy, những người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ nói dối,... (cho đen) không từ bỏ tà kiến. Do không từ bỏ việc [bát thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế nên những người ấy sau khi qua đời đều nhất định bị sanh vào cõi ác, sanh trong địa ngục.59 Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói rằng: "Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác, trí kẻ ấy hướng về nẻo tà." Ta không đồng ý với vị ấy. Do một mực chấp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đen chủ trương một chiều rang: "Dây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đồng ý với vị ấy. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. [0708b01] Này A-nan, trong những trường hợp trên, nếu có Sa-môn, Phạm chí chứng được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, nói như the này: "C6 nghiệp lành do thân tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do thân tạo; có nghiệp lành do miệng, do ý tạo, cũng có quả báo của nghiệp lành do miệng, do ý tao." Ta đồng ý với vi ấy. Nếu vi ấy nói: "Ta thấy người kia từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi tr&i." Ta đồng ý với vị ấy. Nếu vị ấy nói: "Nếu có những trường hợp khác tương tự như vậy, những người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế nên tát cả

những người ấy sau khi qua đời đều được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời." Ta không đồng ý với vị ấy. Nếu vi ấy nói: "Thấy như vậy mới là chánh kiến, thấy khác là kẻ kia hướng vê nẻo tà." Ta cũng không đông ý với vi áy. Do một mực châp trước vào những gì được thấy, được biết, khiến họ đi đến chủ trương một chiều rằng: "Đây là sự thật, ngoài ra là hư d6i." Ta cũng không đồng ý với họ. Vì sao như vậy? Này A-nan, vì Như Lai biết những người đó là trường hợp khác. A-nan! Đối với trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, không từ bỏ trộm cướp, không từ bỏ tà dâm, không từ bỏ nói dối,... (cho đến) không từ bỏ tà kiến. Tuy không từ bỏ việc [bất thiện] và không giữ gìn [các căn] như thế, nhimg sau khi qua đời người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời là bởi vì: Như trong đời trước, người đó tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn], thế nên người đó phải thọ nhận quả báo trong đời này xong rồi thì mới được sanh về nơi ấy. Hoặc vì nguyên nhân phải chịu quả báo ở đời sau, cho nên người ây không vì nhân như vậy, không do duyên như vậy, để sau khi qua đời được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong đời trước người đó tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do người đó hưởng thọ quả báo ở cõi lành chưa hết; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi thiện tâm, tâm sở hữu pháp10 tương ưng với chánh kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cối lành, sanh lên cõi trời. A-nan! Như Lai biêt rõ trường hợp của

người ây là như vậy. A-nan! Đối với trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối5... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Tuy từ bỏ việc [bất thiện] và giữ gìn [các căn] như thế, nhưng sau khi qua đời thì người ấy lại sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục là bởi vì: Như trong đời trước người ấy tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do vì từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do người ấy đã hưởng thọ hết quả báo ngay trong đời hiện tại rồi, nên phải bị sanh về cõi ấy. Hoặc vì nguyên nhân phải chịu quả báo ở đời sau, cho nên người ấy không vì nhân như vậy, không do duyên như vậy, để sau khi qua đời bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Hoặc trong đời trước người đó đã tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] và do chưa trả hết

10 Tâm sở hữu pháp (cetasỉkã dhammā)'. Những yếu tố tâm lý phụ thuộc vào tâm, nương tựa vào tâm để sanh khởi. Abhidhamma phân chia ra có 52 tam sở. Duy tlưc học đề xuất có 51 tâm sơ.

quả báo ở địa ngục; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ây bị sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi tâm bất thiện, tâm sở hữu pháp tương ưng với tà kiên; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy bi sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người ấy là như vậy. [0708c04] A-nan! Đối với trường hợp một người không từ bỏ sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối,... (cho đến) tà kiến. Do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời thì người ấy bị sanh vào cối ác, đọa vào địa ngục là bởi vì: Do nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người đó phải bị sinh vào cõi ác, sinh trong địa ngục. Hoặc trong đời trước người ấy tạo nghiệp bất thiện, nghiệp đã thành rồi, do không từ bỏ việc [bất thiện], do không giữ gìn [các căn] và do chưa trả hết quả báo ở địa ngục; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy sanh vào cõi ác? đọa vào địa ngục. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy khởi tâm bất thiện, tâm sở hữu pháp tương img với tà kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy sanh vào cõi ác, đọa vào địa ngục. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người ấy là như vậy. A-nan! Đối với trường hợp một người từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cướp, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối,... (cho đến) từ bỏ tà kiến. Do từ bỏ việc [bất thiện], do việc giữ gìn [các căn] như thế, nên sau khi qua đời thì người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời là bởi vì: Do nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ây được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong đời trước người ấy tạo nghiệp lành, nghiệp đã thành rồi, do từ bỏ việc [bất thiện], do giữ gìn [các căn] và do quả báo được thọ hưởng chưa hết; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. Hoặc trong khi lâm chung, người ấy phát khởi thiện tâm, tâm sở hữu pháp tương ưng với chánh kiến; vì nhân như vậy, duyên như vậy nên sau khi qua đời, người ấy được sanh vào cõi lành, sanh lên cõi trời. A-nan! Như Lai biết rõ trường hợp của người này là như vậy. Lại nữa, có bốn hạng người: Người không có mà giống như có; hoặc có mà như không có; hoặc không có mà giông như không có; hoặc có mà giông

như có. Này A-nan, cũng như có bốn loại xoài: Loại xoài không chín mà giông như chín; hoặc chín mà giốnệ như không chín; hoặc không chín mà giông như không chín; hoặc chín mà giong như chín. Như vậy, A-nan, bốn loại xoài được

VÍ dụ với người: Người không có mà giống như có; hoặc có mà như không có; hoặc không có mà giống như không có; hoặc có mà giống như có. Đức Phật dạy như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong đều hoan hỷ phụng hành.11

11 Bản Hán, hết quyển 44.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.